

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÂM Y ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC – Ô MÔN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/07/2017, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 23/05/2018)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 349.../GCN - UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31.../12.../2020)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC – Ô MÔN

Lô 12A, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

Tel: (0292) 3843 392 Fax: (0292) 3744 126 Website: <https://tranoc-omonwaco.com.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Tầng 1-2-3-4-5, Tòa nhà Viet Dragon 141 Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM

Tel: (028) 6299 2006 Fax: (028) 6291 7986 Website: <https://vdsc.com.vn>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông Trần Minh Nhựt – Người phụ trách quản trị Công ty

Địa chỉ: Lô 12A, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

Tel: (0292) 3843 392 Fax: (0292) 3744 126 Website: <https://tranoc-omonwaco.com.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC – Ô MÔN

Lô 12A, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

Tel: (0292) 3843 392

Fax: (0292) 3744 126

Website: <https://tranoc-omonwaco.com.vn>

Email: capnuoctranoc.omon@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC – Ô MÔN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/07/2017, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 23/05/2018)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- | | |
|------------------------------------|--|
| - Tên cổ phiếu: | Cổ phiếu CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn |
| - Loại cổ phiếu: | Cổ phiếu phổ thông |
| - Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| - Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: | 2.659.350 cổ phiếu |
| - Giá chào bán: | 10.000 đồng/cổ phiếu |

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Tp.HCM

Tel: (028) 3832 9129 Fax: (028) 3834 2957 Website: www.aisc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Tầng 1-2-3-4-5, Tòa nhà Viet Dragon 141 Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM

Tel: (028) 6299 2006 Fax: (028) 6291 7986 Website: www.vdsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông Trần Minh Nhật – Người phụ trách quản trị Công ty

Địa chỉ: Lô 12A, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

Tel: (0292) 3843 392

Fax: (0292) 3744 126

Website: <https://tranoc-omonwaco.com.vn>

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp.....	7
3. Rủi ro đặc thù	8
4. Rủi ro từ đợt chào bán và phương án xử lý khi không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành	9
5. Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	10
6. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu	10
7. Rủi ro quản trị công ty.....	12
8. Rủi ro khác	13
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	13
1. Tổ chức phát hành.....	13
2. Tổ chức tư vấn.....	13
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	15
2. Cơ cấu tổ chức	17
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	17
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông	19
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	21
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	21
7. Hoạt động kinh doanh.....	22
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong hai năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	28
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	30
10. Chính sách đối với người lao động.....	33
11. Chính sách cổ tức.....	34

12. Tình hình hoạt động tài chính	35
13. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	41
14. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)	56
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2020 - 2021	57
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	59
17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	59
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	59
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán	59
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	60
1. Loại cổ phiếu	60
2. Mệnh giá	60
3. Tổng số cổ phần dự kiến chào bán	60
4. Giá dự kiến chào bán	60
5. Phương pháp tính giá	60
6. Phương thức phân phối	60
7. Thời gian phân phối cổ phiếu	63
8. Đăng ký mua cổ phần	64
9. Phương thức thực hiện quyền	65
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	65
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	65
12. Các loại thuế có liên quan	66
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	66
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	66
VII. PHƯƠNG ÁN KHẢ THI	66
VIII. MỤC TIÊU DỰ ÁN, PHẠM VI PHỤC VỤ, NHU CẦU DÙNG NƯỚC VÀ SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ	71
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	76
X. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH	77
XI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH	77
XII. PHỤ LỤC	78

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

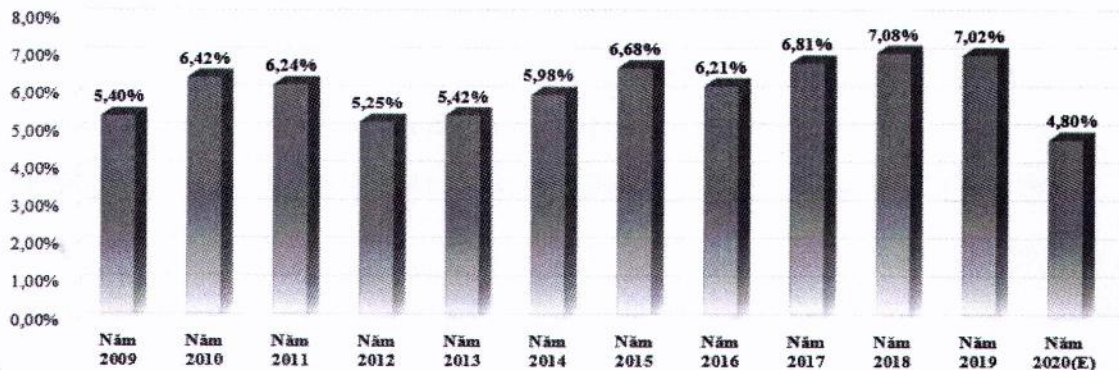
1. Rủi ro về kinh tế

Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia, trong đó tiêu biểu bao gồm các chỉ số về tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất và tỷ giá hối đoái. Sự biến động của các yếu tố này thường mang tính tác động hệ thống tới hầu hết các chủ thể tham gia vào nền kinh tế. Ngoài ra, các chính sách phát triển ngành của Chính phủ cũng sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn nói riêng.

1.1. Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế - tỷ lệ lạm phát

Năm 2019, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP GIAI ĐOẠN 2009 - 2019 VÀ DỰ KIẾN 2020



Trong ngắn hạn, theo Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 được dự báo đạt 4,8%, giảm nhiều nhất trong vòng 10 năm gần đây tác động của dịch COVID-19 và sự suy giảm thương mại toàn cầu. Cụ thể hơn, ADB nhận định kinh tế Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn do đại dịch, sự bùng phát của dịch bệnh đã leo thang lên một giai đoạn mới vào tháng 3, tác động mạnh đến tất cả các đối tác thương mại và đầu tư quan trọng của Việt Nam, hình thành các cú sốc đối với cả phía cung và cầu ở hầu hết mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Hàng loạt lĩnh vực, từ chế biến chế tạo, bán lẻ, xuất nhập khẩu đều đi xuống. Theo đó, tốc độ tăng trưởng GDP quý I đã giảm xuống mức 3,8%, GDP quý II chỉ tăng khoảng 0,36% so với cùng kỳ năm 2019. Đến cuối tháng 7 đầu tháng 8, làn sóng dịch bệnh lần thứ 2 quay lại nhưng đã được kiểm soát tốt, GDP quý III vẫn giữ được mức tăng tích cực 2,79%, tạo tiền đề cho việc phục hồi trong những tháng cuối năm.

Tuy nhiên, trong trung và dài hạn, so với bối cảnh chung, nền tảng kinh tế Việt Nam vẫn được đánh giá vững mạnh do được hỗ trợ bởi các yếu tố nhân khẩu học như dân số đông, cơ cấu dân số trẻ, thu nhập bình quân ngày càng tăng,... Nếu đại dịch được khống chế trong nửa đầu năm 2020, mức tăng trưởng kinh tế sẽ là 6,8% trong năm 2021, ngang với mức dự báo của ADB trước khi COVID-19 xuất hiện.

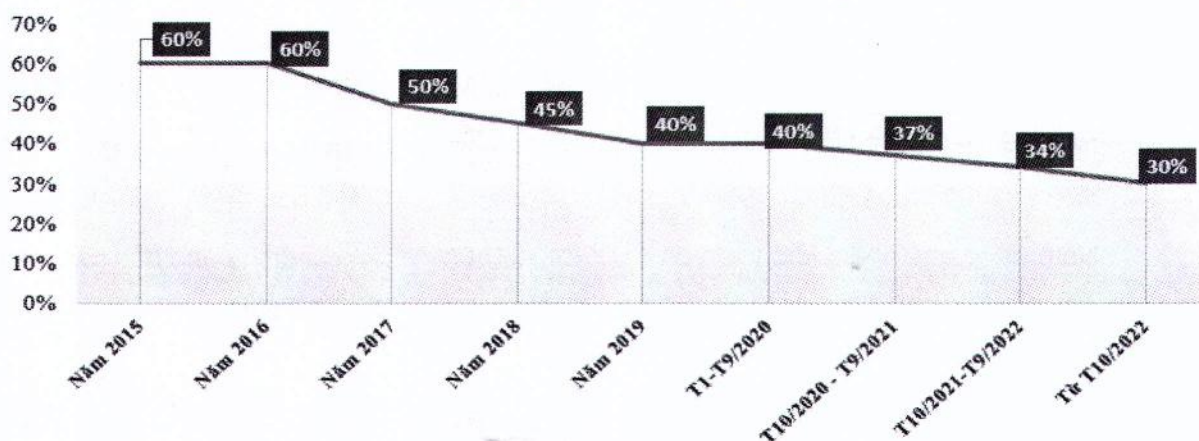
Tốc độ tăng trưởng GDP giảm sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn nói riêng, đặt Công ty trước tình thế phải đổi mới, vươn lên và có những chính sách kinh doanh linh hoạt để phù hợp với điều kiện kinh tế nhiều thay đổi hiện tại.

1.2. Rủi ro về lãi suất

✦ Lãi suất huy động

Trong năm 2020, lãi suất huy động nhiều khả năng sẽ có xu hướng giảm nhẹ từ 0,3 - 0,5%/năm do các nguyên nhân như hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, Ngân hàng Nhà nước áp dụng chính sách tiền tệ nới lỏng, với mục tiêu giảm lãi suất cho vay. Tuy nhiên, dự báo lãi suất huy động các kỳ hạn dài nhiều khả năng sẽ tăng trở lại vào tháng 10 - 11/2020 do áp lực lạm phát có thể tăng vào thời điểm cuối năm, cũng như quy định mới về tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn (Thông tư 22 số 22/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước) bắt đầu được áp dụng vào cuối quý III/2020.

Giới hạn tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn.



Nguồn: Các Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014, Thông tư số 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 và Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 Quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài.

Lãi suất cho vay

Lãi suất cho vay dự báo sẽ khó giảm ở các kỳ hạn dài, tức là các doanh nghiệp có nhu cầu mở rộng sản xuất, xây dựng cơ bản, cần huy động vốn trung và dài hạn sẽ duy trì ở mức hiện tại. Nguyên nhân chủ yếu do nguồn vốn của các ngân hàng tương đối mỏng, trong khi nhiều ngân hàng đang muốn chuyển dịch cho vay từ khu vực sản xuất sang bán lẻ (để được hưởng lãi suất cao hơn). Do vậy, vốn dành cho khu vực sản xuất cơ bản vẫn hạn chế. Lãi suất cho vay kỳ hạn dưới 12 tháng sẽ có sự điều chỉnh giảm, do tác động từ các quy định của Chính phủ, với mặt bằng lãi suất huy động thấp hơn từ tháng 12/2019.

Trước những thay đổi về lãi suất như trên, Công ty cần xem xét năng lực hiện tại cũng như xu hướng thay đổi của lãi suất cho vay, huy động đối với doanh nghiệp để có giải pháp tài chính phù hợp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tránh bị động trước những thay đổi của lãi suất.

1.3. Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Trong năm 2019, thị trường ngoại hối được nhận định có nhiều biến động. Tỷ giá VND/USD những tháng đầu năm 2019 vẫn còn trong áp lực tăng do xu hướng các đồng tiền của nền kinh tế lớn như Mỹ, châu Âu, Nhật Bản diễn biến khó lường trong bối cảnh FED sẽ tiếp tục tăng dần lãi suất, trong khi chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, trong dài hạn, đồng VND sẽ tăng giá nhẹ so với đồng USD nhờ sự hỗ trợ của các yếu tố tích cực từ tình hình sản xuất kinh doanh, tăng trưởng kinh tế ở cả trong lẫn ngoài nước.

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý và cấp nước trên địa bàn Quận Bình Thủy, huyện Thới Lai, huyện Cờ Đỏ và Quận Ô Môn thuộc TP. Cần Thơ nên hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu nhiều ảnh hưởng từ rủi ro tỷ giá hối đoái.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các văn bản pháp lý liên quan. Ngoài ra, với đặc thù của công ty hoạt động trong ngành cấp nước, Công ty cũng chịu ảnh hưởng bởi Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, do hệ thống pháp luật Việt Nam và cơ chế quản lý đang trong quá trình hoàn thiện nên các rủi ro về mặt pháp lý vẫn luôn hiện

hữu và đòi hỏi công ty phải luôn chủ động trong công tác nghiên cứu, cập nhật nhanh chóng các quy định pháp lý để vận dụng phù hợp, hạn chế những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

3. Rủi ro đặc thù

➤ Rủi ro về giá

Đặc thù ngành cung cấp nước là ngành dịch vụ công ích và thuộc sự kiểm soát giá của Nhà nước. Do đó giá bán nước sinh hoạt do UBND thành phố quy định, Công ty không được chủ động điều chỉnh, do vậy một khi có sự biến động lớn các yếu tố sản xuất đầu vào sẽ làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Vì vậy, Công ty chịu rủi ro về giá khá cao nếu không kiểm soát được chi phí nguyên vật liệu sản xuất, chi phí quản lý, chi phí đầu tư và chi phí vận hành hệ thống mạng lưới ống phân phối thì nguy cơ tăng chi phí giảm lợi nhuận là rất lớn.

➤ Rủi ro thất thoát nước

Bài toán về thất thoát nước là mối quan tâm hàng đầu đối với tất cả các công ty trong lĩnh vực khai thác và cung cấp nước. Trong mạng lưới hoạt động cũng như hệ thống ống nước truyền dẫn đến khách hàng sẽ không tránh khỏi vấn đề về nước bị thất thoát. Việt Nam là một trong những nước có tỷ lệ thất thoát nước khá cao ở mức 30%. Nguyên nhân là từ các ống nước có thể bị rò rỉ vì đã cũ, ống mục, đường ống đi qua sông rất khó để phát hiện nên dễ bị thất thoát.

Ý thức được điều này, TRANOC-OMONWACO đã cố gắng kiểm soát tối đa bằng cách bố trí thêm nhân viên có chuyên môn kiểm tra định kỳ và rà soát hệ thống đường ống. Phân vùng, tách mạng kiểm soát thất thoát từng khu vực nhỏ. Tăng cường công tác cải tạo mạng lưới sửa chữa và thay thế đường ống đã cũ, các trạm bơm và giếng khoan để hạn chế tối đa rủi ro này. Đồng thời phối hợp với người dân, thực hiện các biện pháp giám sát người tiêu dùng có hành vi gian lận trong sử dụng nước sạch.

➤ Rủi ro môi trường

Với đặc thù là kinh doanh sản phẩm thiếu yếu (nước sinh hoạt), không chịu sự cạnh tranh cao của thị trường. Tuy nhiên, do tình hình ô nhiễm môi trường hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp, nếu xảy ra tình trạng ô nhiễm nguồn nước sẽ ảnh hưởng đến chất lượng nước cung cấp hoặc ngưng cung cấp nước. Việc này sẽ ảnh hưởng tới đời sống của người dân và tình hình sản xuất của các doanh nghiệp, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro từ đợt chào bán và phương án xử lý khi không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành

➤ Rủi ro từ đợt chào bán

Rủi ro của đợt chào bán có thể xảy ra khi Công ty không phân phối hết số lượng cổ phiếu chào bán. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm là 2.659.350 cổ phiếu tương ứng tỷ lệ 50% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần, thấp hơn so với giá sổ sách tại thời điểm 31/12/2019 là 20.769 đồng/cổ phần, khả năng xảy ra rủi ro này tương đối thấp. Hơn nữa, toàn bộ số vốn huy động được từ đợt phát hành được sử dụng để đầu tư Nhà máy nước Cờ Đỏ là hết sức cần thiết trong giai đoạn phát triển sắp tới.

Hiện nay, cổ phiếu TOW của Công ty đang được giao dịch trên sàn UPCoM với giá giao dịch tại ngày 28/10/2020 là 18.100 đồng/cổ phần. Trên cơ sở đánh giá về mức giá chào bán so với giá thị trường và khả năng góp vốn của các cổ đông lớn, Công ty dự kiến tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu đạt 80%, tương ứng với số tiền thu được tối thiểu là 21.274.800.000 đồng.

➤ Phương án xử lý khi không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành

Trong trường hợp Công ty không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến, trên cơ sở được ĐHĐCĐ ủy quyền, Hội đồng Quản trị sẽ điều tiết cân đối vốn tự có từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty để bổ sung vốn đầu tư dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ. Hiện nay, Công ty đã được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô đồng ý nguyên tắc tài trợ vốn theo Công văn số 316/CV-CNTĐO-P.KHDN ngày 19/06/2020 với số tiền tối đa là 18.000.000.000 đồng để đầu tư dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ. Theo Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2020, nguồn vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/9/2020 của Công ty là 113.340.409.009 đồng, nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 30/9/2020 là 13.596.797.752 đồng; Quỹ đầu tư phát triển 11.249.009.205 đồng; Khấu hao và phân bổ năm 2020 dự kiến 8.300.000.000 đồng. Do đó, Công ty hoàn toàn có đủ khả năng về vốn để thực hiện đầu tư dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ đúng như kế hoạch.

5. Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán lần này sẽ được sử dụng để bổ sung nguồn vốn đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ.

Theo Quyết định số 279/QĐ.UBND ngày 19/01/2015 của UBND TP. Cần Thơ về việc phê duyệt quy hoạch cấp nước Thành phố Cần Thơ đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, khu vực thị trấn Cờ Đỏ có nhu cầu dùng nước năm 2020 là 3.000 m³/ngày đêm, từ năm 2025 đến năm 2030 là 5.000 m³/ngày đêm. Do đó, việc đầu tư dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ để nâng công suất sản xuất nước từ 800 m³/ngày đêm lên 5.000 m³/ngày đêm, đáp ứng nhu cầu dùng nước trên địa bàn huyện Cờ Đỏ là cần thiết đối với sự phát triển bền vững trong dài hạn của Công ty. Vì vậy, các cổ đông tin tưởng vào sự phát triển lâu dài của Công ty cũng như các nhà đầu tư giá trị dài hạn có thể xem rủi ro này không đáng kể.

6. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

➤ Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ sẽ không tránh khỏi rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán, giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố, trong đó tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành chỉ là một yếu tố mang tính tham khảo.

Giá cả cổ phiếu biến động phụ thuộc rất nhiều vào cung cầu cổ phiếu, yếu tố tâm lý nhà đầu tư, sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, tình hình kinh tế - xã hội... Sự biến động giá cả cổ phiếu chung trên thị trường chắc chắn có ảnh hưởng đến cổ phiếu Công ty đang giao dịch. Do đó, các nhà đầu tư cần theo dõi trước và cân nhắc trước khi đưa ra các quyết định đầu tư.

➤ Pha loãng quyền biểu quyết, giá cổ phiếu:

Số lượng cổ phiếu đã phát hành:	5.318.800 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	5.318.701 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ:	99 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:	2.659.350 cổ phiếu
Tỷ lệ số lượng chào bán trên số lượng cổ phiếu hiện có:	50%
Số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi hoàn thành đợt chào bán:	7.978.051 cổ phiếu



Lượng cổ phiếu chào bán đợt này sẽ làm cho tổng số cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng lên đáng kể, điều này phần nào có thể làm giảm sự hấp dẫn của cổ phiếu Công ty nếu xét về lý thuyết phân tích kỹ thuật và gián tiếp tạo nên hiệu ứng pha loãng các chỉ số cơ bản, bao gồm:

- Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần - EPS;
- Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần;
- Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

❖ Về pha loãng EPS và giá trị sổ sách:

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty, cụ thể như sau:

i. Thu nhập ròng trên mỗi cổ phần - EPS

+ Công thức tính :	EPS (cơ bản) = $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$	
+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	(1)	5.318.701
+ Số lượng cổ phiếu phát hành đợt này:	(2)	2.659.350
+ Số lượng cổ phiếu sau khi chào bán:	(3)	7.978.051
+ SLCP lưu hành bình quân sau khi chào bán:	(4)	5.540.313
+ Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2020 (đồng):	(5)	15.778.000.000
+ EPS trước khi chào bán (đồng/cổ phiếu):	(6)=(5)/(1)	2.967
+ EPS sau khi chào bán (đồng/cổ phiếu):	(7)=(5)/(4)	2.848

(*) Để đơn giản trong tính toán, giả sử Công ty phát hành thành công 2.659.350 cổ phiếu vào thời điểm tháng 11/2020, để có thể sử dụng vốn mới trong tháng 12 còn lại của năm 2020. Lúc đó, số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân của năm 2020 là:

$(5.318.701 \text{ cổ phần} \times 11 \text{ tháng} + 7.978.051 \text{ cổ phần} \times 1 \text{ tháng}) / 12 \text{ tháng} = 5.540.313 \text{ cổ phần}$

ii. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

$$+ \text{ Công thức tính : } \begin{array}{l} \text{Giá trị sổ sách} \\ \text{trên mỗi CP} \end{array} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$$

- + Tại ngày 31/12/2019, giá trị sổ sách theo BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty là 20.769 đồng/cổ phiếu. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (tối đa là 50% và với giả định không mua cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách của Công ty sẽ giảm.
- ❖ Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối hoặc bán quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

Tuy nhiên, những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh sau đợt chào bán.

7. Rủi ro quản trị công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn được thành lập từ tháng 8 năm 2017 trên cơ sở hợp nhất hai công ty là CTCP Cấp nước Trà Nóc và CTCP Cấp nước Ô Môn theo Công văn số 1814/UBND-KT ngày 23/04/2015 của UBND TP. Cần Thơ. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Ban kiểm soát uy tín và chuyên nghiệp do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Do đó, các hoạt động điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành cấp nước, đội ngũ quản trị Công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong vấn đề quản trị Công ty.

Hiện nay, Công ty đã ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế công bố thông tin để đảm bảo công tác quản trị và công bố thông tin theo quy định pháp luật.

8. Rủi ro khác

Bên cạnh việc chú ý và phòng ngừa những rủi ro thường thấy trong quá trình hoạt động, Công ty còn phải quan tâm đến những rủi ro tuy ít xảy ra nhưng có thể gây ra tổn thất lớn cho doanh nghiệp như hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động, thiên tai,...

Dù các rủi ro này khó lường trước nhưng Công ty có thể thực hiện phòng ngừa cũng như giảm thiểu tổn thất bằng cách mua bảo hiểm như bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm nhà xưởng, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội,... nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục và tránh các tổn thất không đáng có.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Ông Nguyễn Hữu Lộc	- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Ngô Hồng Hạnh	- Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Huỳnh Minh Trung	- Chức vụ: Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Phượng	- Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Ông: Nguyễn Hiếu	- Chức vụ: Tổng Giám đốc
------------------	--------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do CTCP Chứng khoán Rồng Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM	DIỄN GIẢI
Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, TOW, TRANOC - OMONWACO, Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ròng Việt
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
TTCK	Thị trường Chứng khoán
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BGD	Ban Giám đốc
CBNLĐ	Cán bộ người lao động
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần
Giấy CN ĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN**

Tên tiếng Anh: **TRANOC - OMON WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **TRANOC - OMONWACO**

Vốn điều lệ đăng ký: 53.188.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 53.188.000.000 đồng

Trụ sở chính: Lô 12A, Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Số điện thoại: (0292) 2471 227

Số fax: (0292) 3744 126

Email: capnuoctranoc.omon@gmail.com

Website: www.tranoc-omonwaco.com.vn

Giấy CN ĐKDN: Số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/07/2017, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 23/05/2018.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Giấy CN ĐKDN:

- + Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Sản xuất nước sinh hoạt, kinh doanh nước sinh hoạt) – Mã ngành: 3600 (Chính);
- + Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí (Chi tiết: Thi công công trình cấp, thoát nước) – Mã ngành: 4322.

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tháng 8 năm 2017, Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn chính thức thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc và Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn theo Công văn số 1814/UBND-KT ngày 23/4/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Sau gần 3 năm hoạt động kể từ khi hợp nhất, Công ty đã đạt được những thành công nhất định trong lĩnh vực kinh doanh. Những cột mốc quan trọng ghi dấu chặng đường nỗ lực vươn tầm phát triển của Công ty như sau:

❖ Một số mốc thời gian quan trọng:

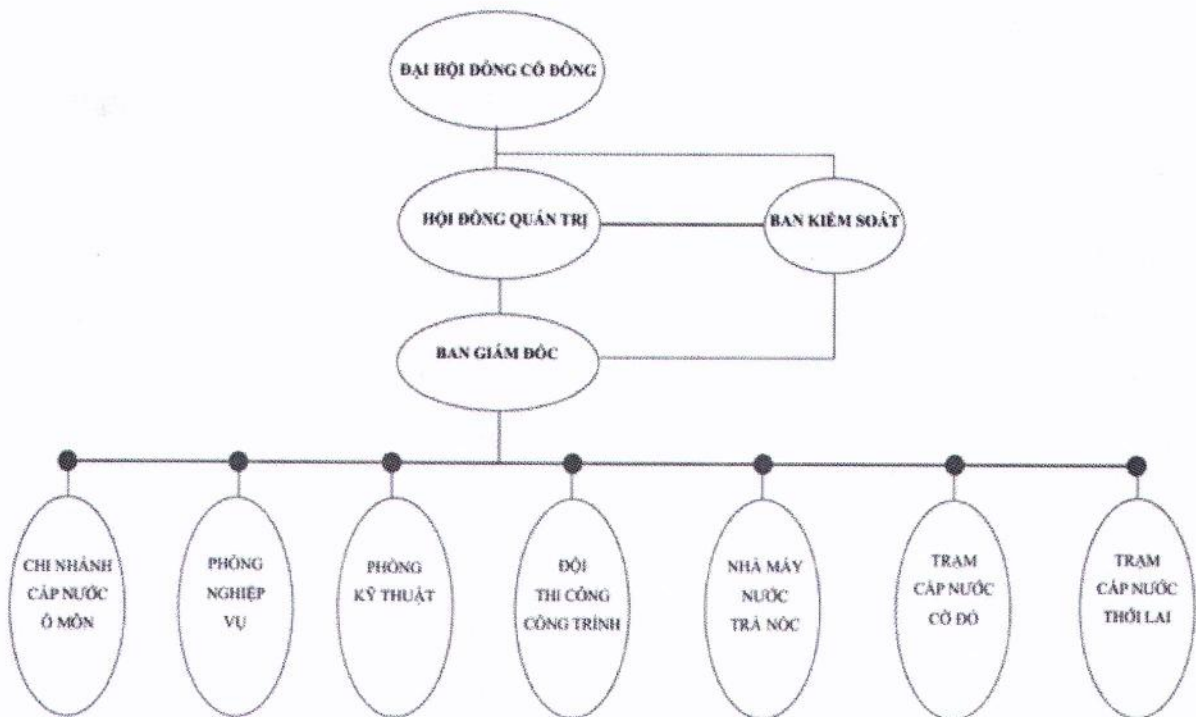
Năm 2017	Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn chính thức hoạt động ngày 01/08/2017 theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp đăng ký lần đầu ngày 06/07/2017 với vốn điều lệ 53.188.000.000 đồng.
Năm 2018	<p>Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn đã thực hiện đăng ký chứng khoán lần đầu và được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 06/2018/GCNCP-VSD ngày 31/01/2018 với mã chứng khoán là TOW và số lượng chứng khoán đăng ký là 5.318.800 cổ phiếu;</p> <p>Ngày 28/12/2018, Công ty đã hoàn tất đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống UPCoM theo Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch số 832/QĐ-SGDHN ngày 28/12/2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.</p>
Năm 2019	<p>Phiên giao dịch đầu tiên trên hệ thống UPCoM của cổ phiếu Công ty (mã chứng khoán: TOW) diễn ra vào ngày 25 tháng 01 năm 2019 với giá tham chiếu là 12.000 đồng/cổ phiếu;</p> <p>Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn được cấp Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 có hiệu lực từ ngày 11 tháng 02 năm 2019.</p>
Năm 2020	Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/07/2017, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 23/05/2018 với vốn điều lệ 53.188.000.000 đồng.

2. Cơ cấu tổ chức

Stt	Đơn vị	Địa chỉ
I	Trụ sở Công ty	Lô 12A Khu công nghiệp Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
II	Các đơn vị trực thuộc	
1	Chi nhánh Cấp nước Ô Môn	11 Kim Đồng, P. Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ
2	Trạm Cấp nước Cờ Đỏ	01 ấp Thới Hòa, Thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ.
3	Trạm Cấp nước Thới Lai	Thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.
4	- Nhà máy nước Trà Nóc - Phòng Nghiệp vụ - Phòng Kỹ thuật - Đội thi công	Lô 12A Khu công nghiệp Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

Nguồn: TRANOC - OMONWACO.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Công ty con: Không có

Công ty liên kết: Không có

Nguồn: TRANOC - OMONWACO.

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần với chi tiết như sau:

3.1 Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của HĐQT; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tổ chức lại và giải thể Công ty;...

3.2 Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh; quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra.

3.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

3.4 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh và thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

3.5 Các đơn vị chuyên môn

- **Phòng Nghiệp vụ:** Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, hành chính, quản trị tổng hợp của Công ty; thực hiện công tác tổ chức nhân sự, tiền lương, công tác khen thưởng kỷ luật, đối nội, đối ngoại; quản lý tài chính – kế toán, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, quản lý tài sản, vật tư, tổ chức cung cấp nguyên vật liệu, máy móc thiết bị và vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Phòng kỹ thuật:** Tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác kỹ thuật, nghiên cứu, phát triển mạng lưới đường ống và đáp ứng yêu cầu cung cấp nước trong từng giai đoạn; quản lý công tác chống thất thoát nước, quản lý mạng lưới đảm bảo chất lượng nước, đánh giá chất lượng vật tư sử dụng, tổ chức, lập dự toán, giám sát, quyết toán công trình.
- **Đội thi công công trình:** Thi công lắp đặt các công trình cấp, thoát nước, lắp đặt ống nhánh cho khách hàng, sửa chữa kịp thời khi có sự cố trên địa bàn hoạt động.

3.6 Các đơn vị trực thuộc:

- **Chi nhánh Cấp nước Ô Môn:** Chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về việc quản lý và tổ chức hoạt động sản xuất và kinh doanh trên địa bàn quận Ô Môn.
- **Nhà máy nước Trà Nóc:** Vận hành hệ thống xử lý nước Nhà máy nước Trà Nóc, đảm bảo cấp nước an toàn, chất lượng và áp lực nước phát ra 24/24, theo dõi lập kế hoạch duy tu bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời khi có sự cố xảy ra đảm bảo cho máy móc hoạt động an toàn và liên tục.
- **Trạm Cấp nước Cờ Đỏ:** Chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về việc quản lý và tổ chức hoạt động sản xuất kinh và doanh tại trạm trên địa bàn huyện Cờ Đỏ.
- **Trạm Cấp nước Thới Lai:** Chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về việc quản lý và tổ chức hoạt động sản xuất kinh và doanh tại trạm trên địa bàn huyện Thới Lai.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc và Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn theo Công văn số 1814/UBND-KT ngày 23/4/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ. Theo đó, Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn chính thức được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/7/2017.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 119 Luật doanh nghiệp năm 2014 như sau: *“Công ty cổ phần mới thành lập phải có ít nhất 03 cổ đông sáng lập; công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước hoặc từ công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập từ công ty cổ phần khác không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập...”*. Do đó, CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn không đăng ký cổ đông sáng lập.

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan đến cổ đông lớn

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 10/4/2020 như sau:

Stt	Cổ đông lớn	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%VĐL)
1	CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ	1800155244	2A Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	3.479.683	65,42%
<u>Người liên quan:</u>					
	Ông Nguyễn Hữu Lộc (Đại diện vốn, Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn)	092064000169	110 Lê Lai, P.An Phú, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0	0%
2	Bà Nguyễn Thị Kiên Giang	361771038	136 Trần Hưng Đạo, P.An Nghiệp, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	473.457	8,90%
3	Bà Hồ Thị Quý Mão	094163000007	9/10E, hẻm 2 đường 30/4, P.Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	270.839	5,09%
Tổng cộng				4.223.979	79,42%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 10/4/2020 của TRANOC – OMONWACO.

4.3. Cơ cấu cổ đông Công ty

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 10/4/2020 như sau:

Stt	Cơ cấu Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Giá trị cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%VĐL)
1	Cổ đông trong nước	138	5.318.701	53.187.010.000	99,998%
	- Tổ chức	1	3.479.683	34.796.830.000	65,422%
	- Cá nhân	137	1.839.018	18.390.180.000	34,576%

Stt	Cơ cấu Cổ đông	Số cổ đồng	Số cổ phiếu sở hữu	Giá trị cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%VĐL)
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
3	Cổ phiếu quỹ	1	99	990.000	0,002%
Tổng cộng		139	5.318.800	53.188.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 10/4/2020 của TRANOC – OMONWACO.

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1. Công ty mẹ của TRANOC - OMONWACO

Tên Công ty:	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
Trụ sở chính:	Số 2A Nguyễn Trãi, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Số điện thoại:	(84-292) 3810 188 – Fax: (84-292) 3810 188
Website:	www.ctn-can Tho.com.vn
Vốn điều lệ đăng ký:	280.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	280.000.000.000 đồng
Vốn góp tại TOW:	34.796.830.000 đồng, chiếm 65,42% vốn điều lệ.
Giấy CN ĐKDN:	Số 1800155244 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 28/06/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 08/04/2020.

Ngành nghề KD chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

5.2. Danh sách công ty con, công ty liên doanh, liên kết của TRANOC - OMONWACO

Không có.

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn chính thức được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/7/2017 với vốn điều lệ là 53.188.000.000 đồng.

Sau hai năm hoạt động, Công ty chưa thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/7/2017, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 23/5/2018 với vốn điều lệ là 53.188.000.000 đồng.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn là khai thác, xử lý và cung cấp nước, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nước trong sinh hoạt và sản xuất.

Ngoài ra, Công ty còn thi công các công trình cấp, thoát nước. Tuy nhiên, hoạt động này chỉ mang tính chất hỗ trợ cho việc cung cấp nước sạch của Công ty.

Do đó, sản phẩm chính của Công ty là nước sinh hoạt. Đây là một trong những sản phẩm thiết yếu không thể thiếu trong đời sống hàng ngày nên nhu cầu tiêu thụ luôn ở mức cao.

7.1.1 Hoạt động cấp nước

❖ Năng lực sản xuất:

Hiện nay, Công ty đang cung cấp nước trên các địa bàn của Thành phố Cần Thơ như sau:

Stt	Đơn vị cấp nước	Địa bàn cấp nước	Công suất (m ³ /ngày)	
			Thiết kế	Khai thác
1	Nhà máy nước Trà Nóc	KCN Trà Nóc 1 và Trà Nóc 2, các phường Trà Nóc và Thới An Đông thuộc quận Bình Thủy, phường Phước Thới và phường Trường Lạc thuộc quận Ô Môn.	20.000	20.370
2	Chi nhánh Cấp nước Ô Môn	Quận Ô Môn.	2.400	2.400
3	Trạm Cấp nước Thới Lai	Huyện Thới Lai.	2.500	2.710
4	Trạm Cấp nước Cờ Đỏ	Huyện Cờ Đỏ.	720	1.100
Tổng công suất			25.620	26.580

Nguồn: TRANOC – OMONWACO.

Nhằm tăng sản lượng cung cấp nước và hạn chế thất thoát nước, Công ty đã tiến hành mở rộng, phát triển và cải tạo mới các tuyến ống; Hệ thống tuyến ống chuyển tải và phân phối. Ngoài ra, Công ty còn lập kế hoạch và thực hiện công tác kiểm tra các tuyến ống, lắp đặt các đồng hồ đo áp theo dõi áp lực, kiểm tra nâng cấp nắp chụp van bị lắp cát trên toàn mạng lưới. Áp dụng ghi thu online. Hệ thống giám sát và đảm bảo chất lượng nước online để nâng cao tính chính xác và thuận tiện cho Công ty.

Kết quả, sản lượng nước sản xuất của Công ty như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% (+/-)	9 tháng đầu năm 2020
1	Sản lượng nước sản xuất	7.362.452 m ³	7.916.336 m ³	7,52%	6.474.623 m ³
2	Tỷ lệ thất thoát nước	14,38%	12,78%	(1,60%)	12,88%
3	Số hộ đấu nối	2.202 hộ	2.426 hộ	10,17%	1.831 hộ

Nguồn: TRANOC – OMONWACO.

❖ Nguyên vật liệu sử dụng

Công ty sử dụng nguồn nước chủ yếu từ sông Hậu và sông Ô Môn, thông qua quá trình xử lý nước như xử lý phèn, lắng cặn, lọc nước, khử trùng,... để sản xuất nguồn nước sạch cung cấp cho sinh hoạt, sản xuất, đáp ứng quy chuẩn về chất lượng nước hiện hành.

Ngoài nguồn nguyên liệu chính là nước, Công ty còn sử dụng các nguyên liệu và hóa chất như: điện, PAC, Clor, dầu để xử lý nước đạt quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

❖ Chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Chất lượng nước được thực hiện và quản lý theo Quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 14/12/2018 là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Ngoài ra, Công ty còn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 kể từ ngày 12/02/2019.

Nước sạch tại nhà máy nước và trên mạng ống cấp nước được kiểm tra chất lượng chặt chẽ bởi Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ cũng như CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ. Để tăng cường kiểm soát chất lượng, bộ phận hóa nghiệm và trực ca của Công ty cũng tự thực hiện việc kiểm tra chất lượng nước hàng giờ, cũng như những đợt kiểm tra đột xuất của các cơ sở liên ngành khi có phát sinh dịch bệnh nguy hiểm.

7.1.2 Hoạt động lắp đặt, thi công công trình cấp, thoát nước

Hoạt động lắp đặt, thi công các công trình cấp thoát nước chủ yếu nhằm phục vụ cho hoạt động cấp nước của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn có lực lượng dò tìm và xử lý ống bể nhằm giúp giảm tỷ lệ thất thoát cho Công ty và giúp cho khách hàng khi ống nhánh tại nhà khách hàng bị sự cố. Lắp đặt đồng hồ nước cho khách hàng.

7.2. Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty

7.2.1. Cơ cấu doanh thu thuần và Lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm

❖ Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị tính: ngàn đồng

Doanh thu thuần	Năm 2018		Năm 2019		%	9T/2020	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT		(+/-)	Giá trị
Sản xuất nước	47.818.873	95,53	57.199.011	95,51	19,62	47.404.116	96,48
Lắp đặt, công trình, chuyển nhượng,...	2.239.631	4,47	2.689.745	4,49	20,10	1.731.106	3,52
Tổng cộng	50.058.504	100	59.888.757	100	19,64	49.135.222	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC 9 tháng đầu năm 2020 của TRANOC-OMONWACO.

Nhìn chung, nhu cầu nước sạch ngày càng tăng lên trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa nhanh. Ngành cấp nước là ngành tiện ích thiết yếu, cung cấp nước sạch cho người dân và các doanh nghiệp, vì vậy có tính ổn định cao. Do đó, doanh thu năm 2019 của Công ty được duy trì ổn định và tăng trưởng gần 20% so với năm 2018.

Xét về cơ cấu doanh thu, hơn 95,5% doanh thu của Công ty đến từ hoạt động cấp nước, còn lại doanh thu đến từ hoạt động thi công, lắp đặt các công trình cấp, thoát nước nhằm mục đích hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Trong năm 2019, sản lượng nước sản xuất của Công ty đạt 7.916.336 m³, tăng 7,52% so với sản lượng năm 2018. Ngoài ra, Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ đã có Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 điều chỉnh giá nước trên địa bàn Thành phố Cần Thơ (có

hiệu lực từ ngày 01/3/2019). Do đó, doanh thu từ hoạt động cấp nước năm 2019 của Công ty đã tăng gần 20%, đạt 57,2 tỷ đồng, là động lực chính giúp tổng doanh thu của Công ty tăng trưởng trong năm 2019.

Trong 9 tháng đầu năm 2020, doanh thu của Công ty đạt 49,14 tỷ đồng, tăng 8,68% so với cùng kỳ năm 2019, chủ yếu đến từ hoạt động cấp nước do giá nước được điều chỉnh tăng theo Quyết định 04/2019/QĐ-UBND ngày 12/02/2019.

❖ Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: ngàn đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2018		Năm 2019		%	9T/2020	
	Giá trị	Biên LNG	Giá trị	Biên LNG		(+/-)	Giá trị
Sản xuất nước	23.468.917	49,08	28.105.888	49,14	19,76	24.182.482	51,01
Lắp đặt, công trình, chuyển nhượng,...	121.005	5,40	(274.353)	(10,20)	-	(497.418)	(28,73)
Tổng cộng	23.589.922	47,12	27.831.535	46,47	17,98	23.685.064	48,20

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC 9 tháng đầu năm 2020 của TRANOC-OMONWACO.

Nhìn chung, biên lợi nhuận gộp từ hoạt động chính của Công ty (hoạt động cấp nước) được duy trì ổn định trên mức 49% và có xu hướng tăng nhẹ từ mức 49,08% năm 2018 lên mức 49,14% năm 2019. Điều này do Công ty thường xuyên kiểm tra, cải tạo các đường ống cấp nước, góp phần cải thiện tỷ lệ thất thoát nước năm 2019 giảm còn 12,78%, so với mức 14,38% năm 2018, từ đó giúp hạ giá vốn hàng bán.

Đối với hoạt động lắp đặt, thi công công trình cấp, thoát nước, đây là hoạt động thứ yếu nhằm hỗ trợ cho hoạt động cấp nước. Do đó, hoạt động này gần như không mang lại ra lợi nhuận cho Công ty.

Kết quả, lợi nhuận gộp năm 2019 của Công ty đạt khoảng 27,8 tỷ đồng, trong đó biên lợi nhuận gộp giảm nhẹ 0,65% còn 46,47% do hoạt động lắp đặt lỗ trong năm 2019.

Trong 9 tháng đầu năm 2020, biên lợi nhuận gộp của Công ty đạt 48,20%, cao hơn biên lợi nhuận gộp cùng kỳ năm 2019 là 46,33%. Nguyên nhân do giá nước tiêu thụ được điều chỉnh tăng trong khi giá vốn hàng bán được Công ty kiểm soát và duy trì ở mức ổn định.

7.2.2. Chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: ngàn đồng

Chi phí hoạt động	Năm 2018		Năm 2019		%	9T/2020	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT		(+/-)	Giá trị
Giá vốn hàng bán	26.468.582	52,88	32.057.222	53,53	21,11	25.450.158	51,80
Chi phí bán hàng	717.330	1,43	1.435.228	2,40	100,08	1.863.171	3,79
Chi phí QLDN	4.033.313	8,06	5.275.236	8,81	30,79	5.084.773	10,35
Chi phí tài chính	1.524.282	3,05	1.831.069	3,06	20,13	1.302.799	2,65
Tổng cộng	32.743.507	65,41	40.598.755	67,79	23,99	33.700.901	68,59

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC 9 tháng đầu năm 2020 của TRANOC-OMONWACO.

Với đặc thù hoạt động khai thác, xử lý và cung cấp nước, phần lớn chi phí hoạt động của Công ty là giá vốn hàng bán với tỷ lệ trên doanh thu thuần duy trì quanh mức 53% trong hai năm 2018 và 2019. Đối với nhóm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, tỷ lệ chi phí trên doanh thu có xu hướng tăng từ mức 9,49% năm 2018 lên mức 11,21% năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí dụng cụ, đồ dùng và chi phí thuế, phí, lệ phí năm 2019 tăng lần lượt 100% và 176% so với năm 2018. Về chi phí tài chính, toàn bộ là chi phí lãi vay, được duy trì ổn định quanh mức 3% doanh thu trong giai đoạn 2018 – 2019.

Trong 9 tháng đầu năm 2020, cơ cấu chi phí hoạt động có sự chuyển dịch từ nhóm chi phí giá vốn hàng bán sang nhóm chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Cụ thể, tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần giảm từ 53,67% trong 9 tháng đầu năm 2019 xuống còn 51,80% trong 9 tháng đầu năm 2020, trong khi tỷ lệ chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng từ 11,90% lên 14,14% trong cùng khoảng thời gian. Tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần giảm trong 9 tháng đầu năm 2020 chủ yếu do tác động từ việc điều chỉnh giá nước theo quyết định của UBND TP. Cần Thơ, trong khi tỷ lệ chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng trong 9 tháng đầu năm 2020 chủ yếu đến từ chi phí dụng cụ, đồ dùng và chi phí thuế, phí, lệ phí tiếp tục tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Đối với chi phí tài chính, tỷ lệ trên doanh thu thuần vẫn được duy trì ổn định quanh mức 3%.

7.3. Hoạt động Marketing

Cùng với công tác quản lý chất lượng, TRANOC-OMONWACO cũng hết sức quan tâm đến hoạt động Marketing để chăm sóc khách hàng truyền thống, tiếp cận và thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng bằng uy tín chất lượng dịch vụ của Công ty.

Bên cạnh đó Công ty đã tiến hành xây dựng mới, cải tiến giao diện website của Công ty tại địa chỉ: www.tranoc-omonwaco.com.vn để làm cổng thông tin giao tiếp với khách hàng, cập nhật các thông tin dịch vụ giúp cho khách hàng có thể nắm được các dịch vụ của Công ty, đồng thời giúp Công ty giới thiệu, quảng bá các loại hình dịch vụ của Công ty với các đối tượng khách hàng tiềm năng.

7.4. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện nay, Công ty chưa đăng ký sử dụng Logo tại Cục Sở hữu Trí tuệ trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp.

7.5. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Đối tác	Sản phẩm, dịch vụ	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian thực hiện
1	CTCP CÔNG NGHỆ BÁCH VIỆT	Thiết bị	3.272.500.000	2019
2	CTCP THIẾT BỊ ĐÔNG ĐÔ	Vật tư	1.696.596.000	2019
3	CTCP THIẾT BỊ ĐÔNG ĐÔ	Vật tư	3.742.200.000	2020

Nguồn: TRANOC – OMONWACO.

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong hai năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% (+/-)	9T.2020
1	Tổng giá trị tài sản	141.461.580	143.971.301	1,77	151.322.390
2	Doanh thu thuần	50.058.504	59.888.757	19,64	49.135.222
4	Lợi nhuận từ HĐKD	17.318.774	19.324.756	11,58	15.511.577
5	Lợi nhuận khác	1.275.700	225.721	(82,31)	(199.638)
6	Lợi nhuận trước thuế	18.594.475	19.550.476	5,14	15.311.938
7	Lợi nhuận sau thuế	15.651.695	15.608.670	(0,27)	13.135.360
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	47,57	51,11	7,44	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC 9 tháng đầu năm 2020 của TRANOC-OMONWACO.

Trong năm 2019, doanh thu thuần của Công ty đạt gần 60 tỷ đồng, tăng 19,64% so với năm 2018, do sản lượng nước sản xuất năm 2019 tăng 7,52% và giá nước được điều chỉnh tăng theo quyết định của UBND TP. Cần Thơ.

Tuy nhiên, tỷ lệ chi phí hoạt động trên doanh thu thuần tăng nhẹ từ 65,41% năm 2018 lên 67,79% năm 2019, do đó lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2019 chỉ tăng 11,58% so với năm 2018, đạt 19,32 tỷ đồng.

Trong năm 2018, Công ty ghi nhận khoản thu bất thường từ tiền bồi thường tài sản cố định với giá trị 1,82 tỷ đồng, trong khi giá trị khoản thu này trong năm 2019 là 350 triệu đồng. Do đó, lợi nhuận trước thuế năm 2019 của Công ty chỉ đạt 19,55 tỷ đồng, tăng 5,14% so với năm 2018. Với lợi nhuận đạt được hằng năm, Công ty duy trì chính sách chi trả cổ tức với tỷ lệ khoảng 50%. Cụ thể, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức năm 2018 và 2019 lần lượt là 47,57% và 51,11%. Lợi nhuận sau thuế giảm do năm 2018 còn hưởng thuế suất ưu đãi thu nhập Doanh nghiệp là 15%, năm 2019 là 20%.

Trong 9 tháng đầu năm 2020, doanh thu thuần của Công ty đạt 49,14 tỷ đồng, tăng 8,68% so với cùng kỳ năm 2019, lợi nhuận lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 15,31 tỷ đồng, tăng 4,87% so với cùng kỳ năm 2019.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

➤ Thuận lợi:

- Được sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT cùng với kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp của Ban điều hành Công ty; sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi của chính quyền địa phương cùng sự nỗ lực, đoàn kết, nhất trí cao của tập thể người lao động trong việc quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, nỗ lực khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn được kế thừa bề dày kinh nghiệm cũng như thương hiệu từ CTCP Cấp nước Trà Nóc và CTCP Cấp nước Ô Môn. Đồng thời, Công ty còn thường xuyên được CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ, góp phần tạo thế ổn định vững chắc, đảm bảo cấp nước an toàn trên địa bàn Thành phố.
- Tình hình tài chính Công ty ổn định; năng lực, chất lượng dịch vụ và uy tín với khách hàng ngày càng được nâng cao. Các nhà máy, mạng lưới đường ống đã được cải tạo nâng cấp toàn diện, một số công trình đang thiết kế và xây dựng chuẩn bị cho nhu cầu phát triển trong giai đoạn sắp tới.
- Sản phẩm nước sạch là mặt hàng thiết yếu, ít bị cạnh tranh và thay đổi nhu cầu sử dụng. Bên cạnh đó, Công ty có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực kinh doanh, am hiểu tốt về thị trường nên có thị phần tiêu thụ ổn định.
- Điện lưới được cung cấp ổn định, lưu lượng nước thô từ sông Hậu và sông Ô Môn có trữ lượng dồi dào và chất lượng ổn định, đảm bảo cho sản xuất nên tình hình cung ứng nước của Công ty ít bị biến động.

➤ Khó khăn:

- Đặc thù ngành cung cấp nước là ngành dịch vụ công ích và thuộc sự kiểm soát giá của Nhà nước. Do đó giá bán nước sạch do UBND Thành phố Cần Thơ quyết định, Công ty không được chủ động điều chỉnh do vậy một khi có sự biến động lớn các yếu tố sản xuất đầu vào sẽ làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.
- Ngành kinh doanh nước sạch là ngành đặc thù, mang tính phục vụ công ích với chi phí xây dựng nhà máy, hệ thống phân phối rộng nên chi phí khấu hao lớn, khả năng thu hồi

chậm. Bên cạnh đó, để hoàn thành nhiệm vụ chính trị là cung cấp đầy đủ nước sạch cho các đối tượng sinh hoạt là hộ nghèo do đó giá bán thấp hơn giá thành sản xuất, miễn 100% chi phí đầu nối cho hộ nghèo và 50% cho gia đình chính sách và hộ cận nghèo.

- Giá cả nguyên liệu đầu vào của Công ty luôn có xu hướng tăng, ảnh hưởng lớn đến chi phí đầu vào của Công ty. Ngoài ra, những năm gần đây, giá bán điện luôn có xu hướng tăng.
- Nhu cầu nước sinh hoạt tương đối bão hòa, sự phục hồi chậm của nền kinh tế dẫn đến chưa có nhiều đơn vị đầu tư vào các Khu công nghiệp.
- Biến đổi khí hậu, ô nhiễm nguồn nước có thể gây nguy cơ thiếu nguồn nước trong các mùa khô. Tình hình dịch bệnh COVID-19 cũng gây ảnh hưởng nhất định.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Là doanh nghiệp thành lập dựa trên cơ sở hợp nhất Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc và Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn, Công ty được tích góp bề dày kinh nghiệm hoạt động từ 2 Công ty trước hợp nhất trong lĩnh vực dịch vụ công ích, với đội ngũ cán bộ, người lao động lành nghề, luôn đặt chất lượng dịch vụ đi đầu, Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn đã tạo được sự uy tín đối với khách hàng cũng như các đối tác trên địa bàn hoạt động. Đây cũng là lợi thế cạnh tranh mà toàn thể ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ người lao động Công ty đã xây dựng qua các năm hoạt động.

Hiện tại, thành phố Cần Thơ có 05 công ty cấp nước chính, trong đó CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn chiếm vị trí quan trọng và công suất khá cao trong hệ thống các công ty cấp nước trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Với vai trò vừa cung cấp nước sạch cho khu công nghiệp vừa cung cấp nước sinh hoạt cho dân cư, địa bàn hoạt động của Công ty là khá lớn, đặc biệt là sau khi kế thừa địa bàn hoạt động của Công ty Cấp nước Trà Nóc và Công ty Cấp nước Ô Môn sau khi sáp nhập, bên cạnh đó CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn còn đóng vị trí quan trọng trong việc kết nối các doanh nghiệp cấp nước trong thời gian tới.

Về mạng lưới hoạt động, Công ty đang cấp nước trên các địa bàn của Thành phố Cần Thơ như sau:

Stt	Đơn vị cấp nước	Địa bàn cấp nước	Công suất (m ³ /ngày)	
			Thiết kế	Khai thác
1	Nhà máy nước Trà Nóc	KCN Trà Nóc 1 và Trà Nóc 2, các phường Trà Nóc và Thới An Đông thuộc quận Bình Thủy, phường Phước Thới và phường Trường Lạc thuộc quận Ô Môn.	20.000	20.370
2	Chi nhánh Cấp nước Ô Môn	Quận Ô Môn.	2.400	2.400
3	Trạm Cấp nước Thới Lai	Huyện Thới Lai.	2.500	2.710
4	Trạm Cấp nước Cờ Đỏ	Huyện Cờ Đỏ.	720	1.100
Tổng công suất			25.620	26.580

Nguồn: TRANOC – OMONWACO.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

✦ Triển vọng phát triển ngành trên cả nước

Hệ thống cấp nước có vai trò hết sức quan trọng đối với đời sống và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, chính vì vậy ngành cấp nước luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo cũng như ưu đãi, hỗ trợ rất lớn từ Chính phủ. Cụ thể, các dự án phát triển cấp nước tại các khu đô thị luôn được ưu tiên đầu tư xây dựng cũng như thường xuyên được kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động, cải tạo và đầu tư mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước, phát huy hết công suất thiết kế và giảm tỷ lệ thất thoát nước.

Theo quan điểm của định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam, mục tiêu cụ thể đến năm 2025, tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch tại các đô thị đạt 100%; với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120 lít/người/ngày đêm. Tầm nhìn đến năm 2050, tất cả các đô thị, khu công nghiệp được đáp ứng đầy đủ các nhu cầu cấp nước có điều kiện tự chủ về tài chính.

Đến nay, cả nước có gần 100 doanh nghiệp cấp nước, quản lý trên 500 hệ thống cấp nước lớn, nhỏ tại các đô thị toàn quốc với tổng công suất cấp nước đạt 7 triệu m³/ngày đêm; tỷ lệ dân cư thành thị được cung cấp nước qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 80%; tỷ lệ thất thoát, thất thu bình quân khoảng 25,5%; mức sử dụng nước sinh hoạt bình quân đạt 105 lít/người/ngày đêm.

Đối với một nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, tốc độ tăng trưởng hạ tầng cơ sở nhanh chóng mở ra những cơ hội đáng kể cho sự phát triển chung của ngành cấp nước. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm – dịch vụ phục vụ sinh hoạt của người dân cũng ngày càng nâng cao là những thuận lợi để các công ty trong lĩnh vực này cải tiến quy mô và chất lượng kinh doanh theo chiều hướng tích cực.

✚ Triển vọng phát triển ngành tại Thành phố Cần Thơ

Thành phố Cần Thơ là trung tâm kinh tế - văn hóa, thể thao, giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ, trọng điểm quốc phòng an ninh của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, do đó luôn có nhu cầu cao về cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hệ thống cấp thoát nước. Năm 2015, UBND thành phố Cần Thơ ra quyết định 279/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch cấp nước thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Mục tiêu quy hoạch nhằm xác định nhu cầu sử dụng nước sạch, lựa chọn và khai thác hợp lý các nguồn nước thô, xác định nhu cầu đầu tư và phát triển hệ thống cấp nước thành phố, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch theo từng giai đoạn. Theo đó, dự báo năm 2020, tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 95% đối với khu vực đô thị Ninh Kiều, Bình Thủy; 90% đối với khu vực Ô Môn, Thốt Nốt, Cái Răng và 80% đối với các thị trấn ngoại thành. Dự kiến đến năm 2030, tỷ lệ này đạt 100% đối với khu vực đô thị Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt, Cái Răng và 90% đối với các thị trấn ngoại thành.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Trên cơ sở nhận định triển vọng của ngành, để đảm bảo đáp ứng nhu cầu dùng nước đến năm 2030 và chuẩn bị cho các năm sau đó, Công ty đã lập kế hoạch nâng công suất nhà máy và mở rộng mạng lưới cấp nước, đồng thời cải thiện dịch vụ chăm sóc khách hàng như sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng, nâng cao mức độ hài lòng của người dân.
- Tập trung cấp nước ổn định cho sản xuất và sinh hoạt của các doanh nghiệp và các khu dân cư trên địa bàn. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra bảo trì, sửa chữa, hệ thống cấp nước và đồng hồ nước khách hàng hạn chế tỷ lệ thất thoát. Bảo dưỡng máy móc thiết bị thường kỳ, khắc phục kịp thời các sự cố kỹ thuật đảm bảo sản xuất an toàn.

- Kết hợp với chính quyền địa phương vận động nhân dân cùng thực hiện mở mạng lưới cấp nước tại các hẻm nhỏ chưa có nước sạch, nâng cấp cải tạo mạng lưới, đảm bảo cung cấp nước sạch 24/24.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số nhân sự của Công ty là 80 người với cơ cấu như sau:

Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Cơ cấu
Theo trình độ lao động		
+ Đại học, trên đại học	35	43,75%
+ Cao đẳng, trung cấp	26	32,50%
+ Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	19	23,75%
Theo loại hợp đồng lao động		
+ Hợp đồng không thời hạn	72	90,00%
+ Hợp đồng xác định thời hạn (1-3 năm)	8	10,00%
Theo giới tính		
+ Nam	66	82,50%
+ Nữ	14	17,50%

Nguồn: TRANOC – OMONWACO.

10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng và chế độ phúc lợi

Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được Công ty ưu tiên hàng đầu nhằm phát huy hiệu quả tối đa mọi nguồn lực sẵn sàng ứng phó trước mỗi chuyển biến phức tạp của thị trường, tạo đà cho sự phát triển bền vững của công ty.

✦ Chính sách nhân sự:

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật (BHXH, BHYT, BHTN theo tiền lương thực nhận), duy trì các hoạt động tổ chức đoàn thể. Ngoài ra công ty còn thực hiện tốt các chính sách liên quan người lao động như bảo hiểm tai nạn con người, khám sức khỏe định kỳ, duy trì trợ cấp nghỉ việc cho các cán bộ hưu

trí, nâng lương theo quy định, thưởng định kỳ cho các ngày lễ tết trong năm. Xét thưởng năng suất hàng quý, tổ chức tham quan du lịch cho Cán bộ người lao động Công ty.

✚ Chính sách đào tạo:

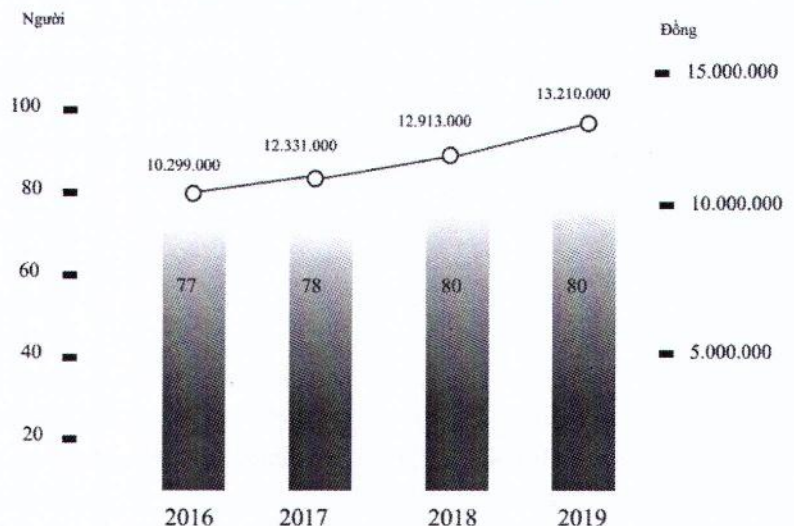
Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn. Ngoài ra cán bộ người lao động cũng được công ty tạo điều kiện tham gia các chương trình đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn để phát triển sản phẩm phục vụ đời sống người dân và phát triển kinh tế khu vực.

Trong thời gian tới ban lãnh đạo tiếp tục xây dựng chế độ lương thưởng và phúc lợi để khuyến khích và thu hút nhân tài. Tiếp tục đào tạo nhóm các bộ kế thừa để chuẩn bị nguồn lực thay thế cho các định hướng phát triển trong tương lai.

✚ Chính sách lương thưởng và chế độ phúc lợi:

Công tác tiền lương tại Công ty được thực hiện nghiêm ngặt theo quy định của Pháp luật, tuyệt đối tuân thủ quy chế tiền lương đã đăng ký với Cơ quan nhà nước, Quy chế trả lương và các cam kết với người lao động. Người lao động được hưởng các chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ

Biểu đồ thu nhập bình quân của người lao động qua các năm



ràng. Thu nhập được trả căn cứ thị trường lao động, trình độ, năng lực, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế và kết quả công việc của cá nhân.

11. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng Quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ sở hữu vốn góp.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

Năm	Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	Hình thức
2018	14%	Tiền mặt (Đã thanh toán) ⁽¹⁾
2019	15%	Tiền mặt (Đã thanh toán) ⁽²⁾

Nguồn: TRANOC – OMONWACO.

(1) Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông vào ngày 05/6/2019 để trả cổ tức năm 2018 cho cổ đông với tỷ lệ 14% (01 cổ phiếu nhận được 1.400 đồng), thời gian thanh toán là ngày 29/8/2019.

(2) Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông vào ngày 20/5/2020 để trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông với tỷ lệ 15% (01 cổ phiếu nhận được 1.500 đồng), thời gian thanh toán là ngày 30/9/2020.

12. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

12.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng VDL, vốn kinh doanh

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/9/2020
1	Vốn điều lệ	53.188.000	53.188.000	53.188.000
2	Vốn kinh doanh	141.461.580	143.971.301	151.322.390
	- Vốn chủ sở hữu:	104.949.290	110.466.274	113.340.409
	- Nợ phải trả	36.512.290	33.505.027	37.981.981

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/9/2020
3	Tổng tài sản:	141.461.580	143.971.301	151.322.390
	- Tài sản ngắn hạn	12.249.233	11.956.841	13.146.669
	- Tài sản dài hạn	129.212.347	132.014.460	138.175.721

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC 9 tháng đầu năm 2020 của TRANOC-OMONWACO.

12.1.2. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 27 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07 năm

12.1.3. Mức thu nhập bình quân

Mức thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động của Công ty trong năm 2019 là 13.210.000 đồng/người/tháng, tăng 2,3% so với mức thu nhập bình quân năm 2018. Đây là mức thu nhập tương đối hấp dẫn so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

12.1.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay. Hiện nay Công ty không có nợ quá hạn.

12.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 31/12/2018, ngày 31/12/2019 và ngày 30/9/2020 như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/9/2020
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	484.720	1.642.863	1.170.834
2	Thuế thu nhập cá nhân	8.895	19.915	55.522
3	Thuế tài nguyên	23.224	23.303	26.309
4	Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
	TỔNG CỘNG	516.839	1.686.081	1.252.665

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC 9 tháng đầu năm 2020 của TRANOC-OMONWACO.

12.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Số dư các quỹ như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/9/2020
1	Quỹ đầu tư phát triển	5.887.316	6.650.230	11.249.009
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	116.470	291.350	266.297
3	Lợi nhuận chưa phân phối	15.251.695	15.321.441	13.596.798
	TỔNG CỘNG	21.255.481	22.263.021	25.112.104

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC 9 tháng đầu năm 2020 của TRANOC-OMONWACO.

12.1.7. Tổng dư nợ vay

Tình hình nợ vay ngắn hạn và nợ vay dài hạn tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/9/2020 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/9/2020
1	Vay ngắn hạn	10.910.379	11.021.702	10.657.900
	Vay ngắn hạn	2.912.379	3.193.702	4.786.900
	- Vietcombank – CN. Tây Cần Thơ ⁽¹⁾	2.912.379	2.352.204	3.073.885
	- Vietinbank – CN. Tây Đô ⁽²⁾	-	841.498	1.713.015
	Vay dài hạn đến hạn trả	7.998.000	7.828.000	5.871.000
	- Vietcombank – CN. Tây Cần Thơ ⁽¹⁾	7.066.000	7.032.000	5.274.000
	- Vietcombank – CN. Cần Thơ ⁽³⁾	932.000	796.000	597.000
2	Vay dài hạn	13.777.620	9.122.694	5.208.694
	- Vietcombank – CN. Tây Cần Thơ ⁽¹⁾	11.253.202	8.498.694	4.982.694
	- Vietcombank – CN. Cần Thơ ⁽³⁾	2.524.418	624.000	226.000
	TỔNG CỘNG	24.687.999	20.144.396	15.866.594

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC 9 tháng đầu năm 2020 của TRANOC-OMONWACO.

(1) Thuyết minh khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN. Tây Cần Thơ:

- Hợp đồng vay 20/HĐHM-VCBTCT.KH ngày 08/10/2019. Mục đích vay: Mở rộng mạng lưới cấp nước. Hạn mức vay: 5 tỷ đồng. Thời hạn vay: 4 tháng. Lãi suất vay hiện tại: 7%/năm. Số dư tại thời điểm 30/09/2020: 3.073.885.187 đồng. Biện pháp bảo đảm: Hệ thống cấp nước các tuyến ống.
- Hợp đồng vay số 05/2017/VCBTCT-KH ngày 31/7/2017. Mục đích vay: Mở rộng mạng lưới cấp nước. Hạn mức vay: 18 tỷ đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay hiện tại: 10%/năm. Số dư tại thời điểm 30/09/2020: 2.929.337.624 đồng. Biện pháp bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng vay số 12/2018/VCBTCT-KH ngày 20/11/2018. Mục đích vay: Mở rộng mạng lưới cấp nước. Hạn mức vay: 16 tỷ đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay hiện tại: 10%/năm. Số dư tại thời điểm 30/09/2020: 7.327.356.103 đồng. Biện pháp bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay.

(2) **Thuyết minh khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN. Tây Đô:**

- Hợp đồng vay số 48286/2019-HĐCVHM/NHCT824-CTYCPCAPNUOCTRANOCOMON ngày 25/11/2019. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh. Hạn mức vay: 2 tỷ đồng. Thời hạn vay: 6 tháng. Lãi suất vay: 6%/năm. Số dư tại thời điểm 30/09/2020: 1.713.015.250 đồng. Biện pháp bảo đảm: Hệ thống tuyến ống Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ, trị giá 2.809.000.000 đồng.

(3) **Thuyết minh khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN. Cần Thơ:**

- Hợp đồng vay số 18/VCBCT ngày 31/7/2015. Mục đích vay: Thanh toán chi phí mở rộng mạng lưới cấp nước quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Hạn mức vay: 6,5 tỷ đồng. Thời hạn vay: 84 tháng. Lãi suất vay: 11,5%/năm. Số dư tại thời điểm 30/09/2020: 823.000.000 đồng. Biện pháp bảo đảm: Hệ thống tuyến ống chuyển tải D300 gang, đang thi công tại quốc lộ 91, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ, trị giá 7.945.000.000 đồng.

12.1.8. Tình hình công nợ hiện nay

- **Các khoản phải thu**

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/9/2020
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	5.220.215	5.227.428	4.313.462
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	2.157.196	1.782.014	2.661.563
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	581.772	1.690.817	569.397
3	Phải thu ngắn hạn khác	2.481.247	1.754.597	1.616.184
4	Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	(533.682)
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	TỔNG CỘNG	5.220.215	5.227.428	4.313.462

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC 9 tháng đầu năm 2020 của TRANOC-OMONWACO.

- Các khoản phải trả

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/9/2020
I	Nợ ngắn hạn	22.734.669	24.382.333	32.773.287
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10.910.379	11.021.702	10.657.900
2	Phải trả người bán ngắn hạn	8.146.985	8.012.634	11.201.089
3	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	326.223	146.306	379.097
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	516.838	1.686.081	1.252.664
5	Phải trả người lao động	1.256.735	709.409	1.819.977
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	25.000	60.000	588.367
7	Phải trả ngắn hạn khác	1.436.039	2.154.851	4.438.780
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	300.000	2.169.116
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	116.470	291.350	266.297
II	Nợ dài hạn	13.777.620	9.122.694	5.208.694
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.777.620	9.122.694	5.208.694
	TỔNG CỘNG	36.512.289	33.505.027	37.981.981

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC 9 tháng đầu năm 2020
của TRANOC-OMONWACO.

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,54	0,49
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,39	0,28

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,26	0,23
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,35	0,30
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ	vòng	8,53	7,57
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,37	0,42
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	31,27	26,06
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	15,76	14,49
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	11,70	10,94
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	34,60	32,27
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cp	2.474	2.831

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và năm 2019 của TRANOC – OMONWACO.

13. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%VĐL)
Hội đồng quản trị				
1	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch (Không điều hành)	3.479.683(*)	65,42%
2	Ông Huỳnh Minh Trung	Thành viên (Điều hành)	88.544	1,66%
3	Ông Trịnh Công Đoàn	Thành viên (Điều hành)	1.325	0,02%
4	Bà Lâm Nguyệt Thanh	Thành viên (Không điều hành)	115.800	2,18%
5	Ông Võ Anh Tuấn	Thành viên (Không điều hành)	2.121	0,04%

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%VĐL)
-----	--------	---------	----------------------	---------------------------

Ban kiểm soát

1	Bà Ngô Hồng Hạnh	Trưởng ban	0	0%
2	Ông Trương Thanh Hùng	Thành viên	0	0%
3	Ông Hoàng Văn Khiêm	Thành viên	36.187	0,68%

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

1	Ông Huỳnh Minh Trung	Giám đốc	88.544	1,66%
2	Ông Trịnh Công Đoàn	Phó Giám đốc	1.325	0,02%
3	Ông Thái Minh Lực	Phó Giám đốc	1.344	0,03%
5	Bà Lê Thị Thanh Phượng	Kế toán trưởng	12.538	0,24%

(*) Ông Nguyễn Hữu Lộc là đại diện vốn của CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ (đại diện sở hữu 3.479.683 cổ phần của CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn).

13.1. Hội đồng quản trị**13.1.1. Ông Nguyễn Hữu Lộc - Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên: **Nguyễn Hữu Lộc**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **25/12/1964**

Nơi sinh: **Cần Thơ**

Quê quán: **Cần Thơ**

CCCD: **092064000169** Ngày cấp: **06/8/2015** Nơi cấp: **Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QLQG về dân cư**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Dân tộc: **Kinh**

Địa chỉ thường trú: 110 Lê Lai, P. An Phú, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất, Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 03/1987 - 09/1989	Cán bộ phòng xây dựng cơ bản, Ủy ban kế hoạch tỉnh Hậu Giang
+ 10/1989 - 09/1992	Trưởng bộ phận kỹ thuật Ban Quản lý chương trình nước UNICEF Hậu Giang
+ 10/1992 - 10/2005	Phó Chủ nhiệm và Chủ nhiệm Trung tâm nước sạch & VSMT Nông thôn Cần Thơ
+ 10/2005 - 12/2011	Phó Giám đốc và Giám đốc - Ban QLDA ĐTXD TP. Cần Thơ
+ 01/2012 - 06/2015	Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước cần Thơ
+ 01/2012 - 07/2017	Chủ tịch HĐQT - CTCP Cấp nước Trà Nóc và CTCP Cấp nước Ô Môn
+ 01/2012 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt
+ 07/2015 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
+ 08/2017 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT - CTCP Cấp nước Thốt Nốt
- Chủ tịch HĐQT - CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ

Số CP nắm giữ (thời điểm 10/4/2020): 3.479.683 cổ phiếu, chiếm 65,42% vốn điều lệ

- + Đại diện sở hữu (CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ): 3.479.683 cổ phiếu, chiếm 65,42% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Hồ Thị Quý Mão (Vợ): Nắm giữ 270.839 cổ phần, chiếm 5,09% vốn điều lệ.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

13.1.2. Ông Huỳnh Minh Trung – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Họ và tên: **Huỳnh Minh Trung**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 21/01/1976

Nơi sinh: An Giang

Quê quán: Kiên Giang

CCCD: 091076000070, ngày cấp: 22/5/2017, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 24A Ngô Hữu Hạnh, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khoa học môi trường

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 2000 - 2003	Nhân viên kiểm tra - Công ty công trình đô thị cần Thơ
+ 08/2003 - 12/2011	Nhân viên - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước cần Thơ
+ 01/2012 - 03/2012	Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần cấp nước Trà Nóc
+ 04/2012 - 07/2017	Quyền Giám đốc và Giám đốc - CTCP Cấp nước Trà Nóc
+ 04/2012 - 07/2017	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc
+ 08/2017 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Chức vụ công tác tại Công ty:

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (thời điểm 10/4/2020): 88.544 cổ phiếu, chiếm 1,66% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 88.544 cổ phiếu, chiếm 1,66% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

13.1.3. Ông Trịnh Công Đoàn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc

Họ và tên: **Trịnh Công Đoàn**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 16/8/1982

Nơi sinh: Cà Mau

Quê quán: Cà Mau

CMND: 381066804, ngày cấp: 13/8/2011, nơi cấp: CA Cà Mau

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Ấp Đông Mỹ, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý môi trường

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 11/2004 - 05/2012	Kỹ thuật viên - Phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

+ 06/2012 - 12/2012	Kỹ thuật viên - Phòng Điều độ và chống thất thoát thất thu nước - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
+ 12/2012 - 07/2017	Thành viên HĐQT, Giám đốc - Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn
+ 08/2017 - nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

Số CP nắm giữ (thời điểm 10/4/2020) 1.325 cổ phiếu, chiếm 0,025% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 1.325 cổ phiếu, chiếm 0,025% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

13.1.4. Bà Lâm Nguyệt Thanh – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Lâm Nguyệt Thanh**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 30/7/1976

Nơi sinh: Cần Thơ

Quê quán: Cần Thơ

CMND: 361841059, ngày cấp: 02/01/2008, nơi cấp: CA TP. Cần Thơ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 2/30 đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh Tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 01/1999 – 12/2001	Nhân viên tiếp tân kiêm Kế toán Công ty Sony Việt Nam CN Cần Thơ
+ 01/2002 - 12/2008	Chuyên viên phòng Kế hoạch - Ban QLDA ĐTXD TP Cần Thơ
+ 01/2009 - 04/2012	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Ban QLDA ĐTXD TP Cần Thơ
+ 05/2012 - 06/2015	Kiểm soát viên - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ
+ 05/2015 - 07/2017	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc
+ 07/2015 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ
+ 08/2017 - nay	Thành viên HĐQT - CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng BKS - CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ

Số CP nắm giữ (thời điểm 10/4/2020): 115.800 cổ phiếu, chiếm 2,18 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 115.800 cổ phiếu, chiếm 2,18 % vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người

có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

13.1.5. Ông Võ Anh Tuấn – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Võ Anh Tuấn

Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 12/12/1966
 Nơi sinh: Cần Thơ
 Quê quán: Cần Thơ
 CCCD: 092066001613, ngày cấp: 13/12/2017, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QLQG về dân cư
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 13B đường Bạch Đằng, P.Thốt Nốt, Q.Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 09/1984 - 02/1991	Kế toán - Xí nghiệp cấp nước Huyện Thốt Nốt
+ 02/1991 - 1995	Kế toán - Chi nhánh Cấp nước Thốt Nốt
+ 1995 - 2002	Phó Giám đốc - Chi nhánh Cấp nước Thốt Nốt
+ 2002 - 2006	Giám đốc - Chi nhánh Cấp nước Ô Môn
+ 2007 - 06/2007	Giám đốc - Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn
+ 2007 - nay	Công tác tại nhà thuốc YHCT số 112 Lê Thị Tạo - Thốt Nốt
+ 2012 - 07/2017	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn
+ 05/2015 - 07/2017	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc
+ 08/2017 - nay	Thành viên HĐQT - CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Công tác tại nhà thuốc YHCT số 112 Lê Thị Tạo - Thốt Nốt
 Số CP nắm giữ (thời điểm 10/4/2020): 2.121 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0 vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	2.121 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

13.2. Ban Kiểm soát

13.2.1. Bà Ngô Hồng Hạnh – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên:	Ngô Hồng Hạnh
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	15/01/1978
Nơi sinh:	Hậu Giang
Quê quán:	Hậu Giang
CMND:	361755261, ngày cấp: 19/3/2015, nơi cấp: CA TP. Cần Thơ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	49 đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 08/2001 - 09/2007	Nhân viên quản lý hóa đơn - CN số 1 - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ
+ 10/2007 - 03/2013	Kế toán trưởng - Xí nghiệp thoát nước Cần Thơ - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ

+ 03/2013 - 07/2015	Phó Giám đốc - Xí nghiệp thoát nước Cần Thơ - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ
+ 07/2015 - 07/2017	Phó Giám đốc - Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước Cần Thơ - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
+ 07/2015 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ
+ 08/2017 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên BKS - CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ

Số CP nắm giữ (thời điểm 10/4/2020): 0 cổ phiếu, chiếm 0 vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

13.2.2. Ông Trương Thanh Hùng – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Trương Thanh Hùng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 17/3/1983

Nơi sinh: Cần Thơ

Quê quán: Cần Thơ

CCCD: 092083000385 ngày cấp 07/7/2015, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 12 Khu dân cư số 5 Đường 30/4, p.Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều,
TP. Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kế toán doanh nghiệp

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 02/2004 - 06/2006	Nhân viên ghi thu - Xí nghiệp Cấp thoát nước Trà Nóc
+ 07/2006 - 09/2011	Nhân viên ghi thu – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Nóc
+ 10/2011 - 07/2017	Nhân viên Thủ kho - Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc
+ 8/2017 - nay	Nhân viên ghi thu, Thành viên BKS - CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên BKS, Nhân viên ghi thu

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (thời điểm 10/4/2020): 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người

có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

13.2.3. Ông Hoàng Văn Khiêm – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Hoàng Văn Khiêm

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/11/1973

Nơi sinh: Nam Định

Quê quán: Nam Định

CMND: 362055981, ngày cấp: 11/11/2011, nơi cấp: CA TP. Cần Thơ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 3 đường số 3 KDC Diệu Hiền, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế, Thạc sỹ Báo chí

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 08/1993 - 11/1993	Chiến sĩ - Tiểu đoàn Tây Đô - Bộ CHQS Thành phố cần Thơ
+ 11/1993 - 06/1997	Quản lý Tài chính - Trung đoàn 932
+ 06/1997 - 08/1999	Nhân viên tổ chức Ban Tổ chức Phòng Chính trị Bộ Chỉ huy quân sự Thành phố Cần Thơ
+ 08/1999 - 01/2004	Trợ lý Dân Vận - Bộ CHQS Thành phố Cần Thơ
+ 01/2004 - 08/2017	Trợ lý Tuyên Huấn - Bộ CHQS Thành phố Cần Thơ
+ 09/2017 - nay	Chủ nhiệm Chính trị - Trung đoàn 932, Bộ CHQS TP. Cần Thơ
+ 05/2008 - 03/2012	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc
+ 04/2012 - 03/2017	Trưởng BKS Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc
+ 04/2017 - 07/2017	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc
+ 08/2017 - nay	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên BKS

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ nhiệm Chính trị - Trung đoàn 932, Bộ CHQS TP. Cần Thơ
Số CP nắm giữ (thời điểm 10/4/2020):	36.187 cổ phiếu, chiếm 0,68% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:	36.187 cổ phiếu, chiếm 0,68% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

13.3. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

13.3.1. Ông Huỳnh Minh Trung – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Xem Mục 13.1.2)

13.3.2. Ông Trịnh Công Đoàn – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc (Xem Mục 13.1.3)

13.3.3. Ông Thái Minh Lực – Phó Giám đốc

Họ và tên:	Thái Minh Lực
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/12/1970
Nơi sinh:	Nghệ An
Quê quán:	Nghệ An
CMND:	362299038 Cấp ngày: 29/9/2006 nơi cấp: CA Cần Thơ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	137/29 Lê Thị Hồng Gấm, KV II, phường Trà An, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 10/1993 - 12/2004	Công nhân TBSC - NMN Cần Thơ 1
+ 12/2004 - 2006	Tổ trưởng TBSC - Xí nghiệp Cấp thoát nước Trà Nóc
+ 2006 - 2009	Trưởng bộ phận sản xuất - CTCP Cấp thoát nước Trà Nóc
+ 2009 - 2010	Trưởng phòng sản xuất - CTCP Cấp thoát nước Trà Nóc
+ 2010 - 07/2017	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc
+ 08/2017 - nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Giám đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 10/4/2020): 1.344 cổ phiếu, chiếm 0,025% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu: 1.344 cổ phiếu, chiếm 0,025% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người

có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

13.3.4. Bà Lê Thị Thanh Phượng – Kế toán trưởng

Họ và tên: Lê Thị Thanh Phượng

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 25/7/1978

Nơi sinh: Cần Thơ

Quê quán: Cần Thơ
 CMND: 361635492 Cấp ngày 03/01/2012 nơi cấp: CA TP. Cần Thơ
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 10/14 Nguyễn Truyền Thanh, KV5, p. Bình Thủy, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
 Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 01/2002 - 03/2003	Nhân viên - Siêu thị Điện máy Chợ Lớn
+ 04/2003 - 02/2005	Nhân viên - Xí nghiệp Cấp thoát nước Trà Nóc thuộc Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ
+ 03/2005 - 12/2005	Nhân viên - Xí nghiệp Xây dựng Cấp thoát nước Cần Thơ thuộc Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ
+ 01/2006 - 12/2006	Nhân viên Xí nghiệp Cấp thoát nước Trà Nóc thuộc Công ty TNHH Cấp thoát nước cần Thơ
+ 01/2007 - 07/2017	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc
+ 08/2017 - nay	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Chức vụ công tác tại Công ty: Kế toán trưởng
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không
 Số CP nắm giữ (thời điểm 10/4/2020): 12.538 cổ phiếu, chiếm 0,24% vốn điều lệ
 Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
 Cá nhân sở hữu: 12.538 cổ phiếu, chiếm 0,24% vốn điều lệ
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

14. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

Danh mục tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
I.	TSCĐ hữu hình	172.675.199	116.377.550	67,40%
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	29.895.038	13.923.024	46,57%
2.	Máy móc thiết bị	25.925.609	6.453.075	24,89%
3.	Phương tiện vận tải	116.330.026	95.737.759	82,30%
4.	Thiết bị, dụng cụ quản lý	524.526	263.692	50,27%
II.	TSCĐ vô hình	-	-	-
	TỔNG CỘNG	172.675.199	116.377.550	67,40%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của TRANOC - OMONWACO.

Các tài sản dở dang dài hạn của Công ty như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Danh mục tài sản	31/12/2018	31/12/2019
1.	Mua sắm	989.620	989.620
2.	Xây dựng cơ bản	11.480.124	5.814.898
	- Công trình mở rộng mạng lưới cấp nước 07/2018	-	936.538
	- Công trình mở rộng mạng lưới cấp nước 08/2018	13.360	953.234
	- Công trình mở rộng mạng lưới cấp nước 04/2019	49.188	585.955

Stt	Danh mục tài sản	31/12/2018	31/12/2019
	- Các công trình khác	11.417.576	3.339.171
3.	Lắp đặt Solar 30 KW	-	700.145
4.	Sửa chữa	130.055	-
	TỔNG CỘNG	12.599.799	7.504.663

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của TRANOC - OMONWACO.

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2020 - 2021

15.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2020 – 2021

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển, lợi thế cạnh tranh và tiềm năng phát triển thị trường mà Công ty hiện đang kinh doanh và đầu tư, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong giai đoạn 2020 – 2021 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021	
		Giá trị	% (+/-) so với TH2019	Giá trị	% (+/-) so với KH2020
Vốn điều lệ	53.188	79.781	50,00%	79.781	0,00%
Sản lượng nước (m ³)	7.916.336	8.315.000	5,04%	8.727.760	4,96%
Doanh thu thuần	59.889	63.000	5,19%	64.492	2,37%
Lợi nhuận trước thuế	19.550	20.100	2,81%	20.186	0,43%
Lợi nhuận sau thuế	15.609	15.778	1,08%	16.149	2,35%
Tỷ lệ LNST/DTT	26,06%	25,04%	(1,02%)	25,04%	0,00%
Tỷ lệ LNST/VĐL	29,35%	19,78%	(9,57%)	20,24%	0,46%
Tỷ lệ cổ tức	15,00%	15,00%	0,00%	10,00%	(5,00%)

Nguồn: Kế hoạch năm 2020 được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2020. Kế hoạch năm 2021 được HĐQT dự kiến dựa trên triển vọng hoạt động của Công ty.

15.2. Cơ sở thực hiện kế hoạch

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên được xây dựng căn cứ vào định hướng chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2020 - 2021 của Công ty như sau:

✦ Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản:

- Trong năm 2020, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, cải tạo đáp ứng nhu cầu của khách hàng; triển khai xây dựng Nhà máy nước Cờ Đỏ; mời tư vấn mở rộng Nhà máy nước Trà Nóc; Xây dựng phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO 17025,... phù hợp với điều kiện Công ty.

✦ Kế hoạch tăng vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 53,188 tỷ đồng. Căn cứ vào nguồn vốn hiện có và kế hoạch đầu tư trong giai đoạn sắp tới, Hội đồng Quản trị đã trình và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ trong năm 2020 từ 53,188 tỷ đồng lên 79,781 tỷ đồng.

✦ Kế hoạch sản xuất và kinh doanh:

- Tăng cường công tác kiểm tra, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng, nâng cao mức độ hài lòng của người dân;
- Tập trung cấp nước ổn định cho sản xuất và sinh hoạt của các doanh nghiệp và các khu dân cư trên địa bàn. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra bảo trì, sửa chữa, hệ thống cấp nước và đồng hồ nước khách hàng để hạn chế tỷ lệ thất thoát. Bảo dưỡng máy móc thiết bị thường kỳ, khắc phục kịp thời các sự cố kỹ thuật đảm bảo sản xuất an toàn;
- Xây dựng chiến lược ngắn hạn, trung hạn để chủ động trong sản xuất kinh doanh; tập trung các nguồn lực cho công tác sản xuất, dịch vụ đảm bảo tiến độ, chất lượng nhằm từng bước xây dựng thương hiệu doanh nghiệp trên thị trường; đưa ra các giải pháp quản lý hợp lý kịp thời nhằm đảm bảo giá thành và từng bước mở rộng thị trường.

✦ Kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

- Lấy người lao động là yếu tố quan trọng trong định hướng phát triển, Công ty luôn đề cao việc đào tạo, bồi dưỡng và từng bước tuyển dụng mới lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và tay nghề cao phù hợp với từng vị trí công việc để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh; đảm bảo nguồn lực cho công tác mở rộng địa bàn hoạt động.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với góc độ là một tổ chức tư vấn, Chúng tôi đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành.

Về phía tổ chức phát hành, có thể thấy Công ty đã mạnh dạn tiến hành đầu tư trong một thời gian dài để tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững. Chúng tôi đánh giá đây là một hướng đầu tư hợp lý và trong thời gian tới Công ty sẽ đưa ra thị trường sản phẩm và dịch vụ chất lượng nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

Nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đã đề ra như trên có tính khả thi và đảm bảo cho mục tiêu tái đầu tư phát triển của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán: TOW) hiện đang được đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục đăng ký giao dịch bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
3. **Tổng số cổ phần dự kiến chào bán:** 2.659.350 cổ phiếu.
4. **Giá dự kiến chào bán:**

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được thực hiện theo phương án phát hành đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2020 là: 10.000 đồng/cổ phần.

5. Phương pháp tính giá

Giá thị trường bình quân trong 60 phiên giao dịch liên tiếp gần nhất của cổ phiếu TOW trên sàn UPCoM và giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 như sau:

- **Giá thị trường bình quân trong 60 phiên giao dịch liên tiếp gần nhất của cổ phiếu TOW trên sàn UPCoM:**

Căn cứ giá tham chiếu của cổ phiếu TOW được giao dịch trên sàn UPCoM trong 60 phiên giao dịch liên tiếp gần nhất từ ngày 08/01/2020 đến ngày 10/4/2020, giá tham chiếu bình quân được xác định là 12.700 đồng/cổ phần.

- **Giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/12/2019:**

Căn cứ BCTC kiểm toán năm 2019, giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 được xác định là 20.769 đồng/cổ phần.

Trên cơ sở giá thị trường bình quân trong 60 phiên liên tiếp gần nhất từ ngày 08/01/2020 đến ngày 10/4/2020 và giá trị sổ sách mỗi cổ phần tại thời điểm 31/12/2019, để tăng khả năng thành công của đợt huy động vốn, Hội đồng Quản trị đã đề xuất và được ĐHĐCĐ đồng ý mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần.

6. Phương thức phân phối

- Số lượng cổ phần dự kiến chào bán: 2.659.350 cổ phiếu.
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 26.593.500.000 đồng.

- Phương thức thực hiện: theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu, cụ thể:

a) Phân phối và thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phần chào bán:

Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 02 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm.

Theo đó, số lượng cổ phần được xác định theo công thức như sau:

$$\frac{\text{Số cổ phần được quyền mua thêm}}{\text{Số cổ phần tại ngày chốt danh sách}} = \text{Số cổ phần tại ngày chốt danh sách} \times \frac{1}{2}$$

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân ĐHCĐ đã đồng ý giao cho Hội đồng quản trị quyết định phân phối cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu hoặc làm cổ phiếu quỹ của Công ty.

Ví dụ:

Cổ đông A sở hữu 203 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 2:1, cổ đông A được mua thêm 101,5 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A sẽ được mua thêm 101 cổ phiếu mới, phần lẻ 0,5 cổ phiếu sẽ giao cho Hội đồng quản trị quyết định phân phối cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu hay làm cổ phiếu quỹ của Công ty.

Công ty sẽ phối hợp với VSD để thông báo và phân phối quyền mua cho các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán thành viên của VSD.

Trường hợp cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.

b) Chuyển nhượng quyền mua

Trong thời hạn tối thiểu 20 ngày để đăng ký mua, cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu có thể nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền mua này cho bên thứ ba.

Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 lần.

Việc chuyển nhượng quyền mua kết thúc trước 10 ngày so với ngày hết hạn đặt mua cổ phần chào bán.

Đối với cổ đông đã lưu ký

Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch, với thủ tục cụ thể như sau:

- ✓ Việc chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại CTCK bên chuyển nhượng mở tài khoản lưu ký. CTCK bên chuyển nhượng chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác về thông tin chuyển nhượng quyền mua của các bên. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng chưa mở tài khoản thì phải mở tài khoản tại một CTCK.
- ✓ Việc xác nhận chuyển nhượng quyền mua giữa các cổ đông do VSD thực hiện.
- ✓ Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu chuyển nhượng quyền mua chứng khoán, CTCK bên chuyển nhượng phải nhập giao dịch chuyển nhượng quyền mua qua cổng giao tiếp điện tử và gửi đến VSD các chứng từ sau:
 - + Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua chứng khoán.
 - + Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin tại trang web của các Sở giao dịch chứng khoán (nếu có) về việc chuyển nhượng quyền mua của các đối tượng thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định.
 - + Tài liệu liên quan khác (nếu có).
- ✓ Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển nhượng quyền mua đầy đủ và hợp lệ, VSD xác nhận vào Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua và gửi cho CTCK liên quan.

Đối với cổ đông chưa lưu ký:

Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua tại:

- ✓ Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Lô 12A, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại: (0292) 6532 533

- Fax : (0292) 3744 126

c) Đăng ký thực hiện quyền mua

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về quyền mua, đăng ký thực hiện quyền mua tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn (đối với cổ đông chưa lưu ký).

Hết thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

d) **Xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phần lẻ**

Hội đồng quản trị quyết định phân phối tiếp số cổ phiếu phát sinh trong các trường hợp dưới đây cho các đối tượng khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu, gồm:

- Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn;
- Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu từ chối mua và đăng ký không được mua hết.

Trong trường hợp phân phối cho một số nhà đầu tư xác định: Hội đồng quản trị thực hiện phân phối số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn, số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu từ chối mua và đăng ký không được mua hết cho một hoặc một số nhà đầu tư xác định, số cổ phần này bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm và đáp ứng các quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 189 Luật Doanh nghiệp 2014.

7. **Thời gian phân phối cổ phiếu**

Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng, nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận có hiệu lực. Thời gian phân phối trong năm 2020 dự kiến như sau:

Bước	Công việc	Thời gian (ngày)
1	Nhận Giấy CN chào bán cổ phiếu ra công chúng từ UBCKNN	T
2	Công bố thông tin về đợt chào bán theo quy định	T+ 3
3	Gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền mua (i)	T+4 đến T+5
4	Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền mua (ii)	T+20 đến T+22
5	Cổ đông nhận được Thông báo về việc sở hữu quyền mua (iii)	T+29 đến T+30
6	Chuyển nhượng quyền mua (iv)	T+31 đến T+41
7	Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phần (v)	T+31 đến T+51
8	VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần (vi)	T+53 đến T+55
9	HDQT phân phối đối với số cổ phần không bán hết (vii)	T+55 đến T+65
10	Báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN (viii)	T+67 đến T+70
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu chào bán	T+72 đến T+75
12	VSD chấp thuận lưu ký bổ sung cổ phiếu chào bán	T+85 đến T+89
13	Cổ phần phát hành thêm chính thức giao dịch	T+90

- (i) Bước 3 : Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ tới VSD chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng (ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do Công ty ấn định để xác định danh sách người sở hữu cổ phần được hưởng quyền mua cổ phần).
- (ii) Bước 4 : Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty danh sách cổ đông tổng hợp.
- (iii) Bước 5 : Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, CTCK gửi thông báo quyền mua đến các cổ đông của Công ty.
- (iv) Bước 6 : Việc chuyển nhượng quyền mua kết thúc trước 10 ngày của ngày cuối cùng đăng ký mua cổ phần chào bán.
- (v) Bước 7 : Thời hạn đăng ký mua cổ phần tối thiểu là 20 ngày.
- (vi) Bước 8 : Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký mua cổ phần.
- (vii) Bước 9: Công ty phải hoàn thành việc phân phối cổ phần trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán có hiệu lực.
- (viii) Bước 10: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, tức là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phần được chào bán từ các nhà đầu tư.

Trên đây là lịch trình phân phối cổ phần dự kiến cho nhà đầu tư. Tuy nhiên, tùy tình hình thực tế phát sinh, HĐQT sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp và vẫn đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông, đồng thời, cũng đảm bảo việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

Lịch trình phân phối cổ phần chính thức sẽ được công bố chính thức sau khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

8. Đăng ký mua cổ phần:

- Thời hạn đăng ký mua cổ phần: Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua ngay sau khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng. Theo quy định, thời hạn đăng ký mua tối thiểu là 20 ngày.
- Số lượng cổ phần đăng ký mua: là số lượng cổ phần được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phần từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phần không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

- Phương thức thanh toán: cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phần tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn (đối với cổ đông chưa lưu ký của Công ty).
- Chuyển giao cổ phiếu: Toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung trên SGDCK Hà Nội và đăng ký lưu ký bổ sung tại TTLKCK Việt Nam.

9. Phương thức thực hiện quyền

Sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phần, các cổ đông thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phần) theo hướng dẫn tại mục V.7 và V.8 của Bản cáo bạch này.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Điều lệ Công ty không quy định về giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài.
- Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tham gia mua bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; và các quy định hướng dẫn khác có liên quan.
- Trên cơ sở xác định điều kiện đầu tư và tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đối với từng ngành nghề kinh doanh của Công ty, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%. Công ty cam kết sẽ thực hiện các thủ tục để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49% theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài tại Công ty đến thời điểm 10/4/2020 là 0%.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:

- Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông được chuyển nhượng 01 (một) lần. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho bên thứ ba.

- Toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt này là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Trường hợp Công ty thực hiện phân phối cổ phiếu lẻ, chưa chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua và đăng ký không được mua hết cho các nhà đầu tư khác có nhu cầu thì số cổ phiếu chào bán này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

12. Các loại thuế có liên quan

Trong hoạt động, Công ty cần thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng...phụ thuộc các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư của Công ty và tuân thủ theo chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô như sau:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn
- Số tài khoản: 110000059524
- Tại : Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Hiện nay, Trạm cấp nước Cờ Đỏ của Công ty có công suất sản xuất nước là 800 m³/ngày đêm. Theo Quyết định số 279/QĐ.UBND ngày 19/01/2015 của UBND TP. Cần Thơ về việc phê duyệt quy hoạch cấp nước Thành phố Cần Thơ đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, khu vực thị trấn Cờ Đỏ có nhu cầu dùng nước năm 2020 là 3.000 m³/ngày đêm, từ năm 2025 đến năm 2030 là 5.000 m³/ngày đêm.

Do đó, đợt chào bán cổ phiếu lần này nhằm mục đích bổ sung vốn đầu tư dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ để nâng công suất sản xuất nước từ 800 m³/ngày đêm lên 3.000 m³/ngày đêm, đáp ứng nhu cầu dùng nước trên địa bàn huyện Cờ Đỏ.

VII. PHƯƠNG ÁN KHẢ THI

1. Giới thiệu thông tin cơ bản về dự án

- **Tên dự án:** Nhà máy nước Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ.

- **Địa điểm xây dựng:** Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, Tp. Cần Thơ.
- **Chủ đầu tư:** CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn.
- **Cơ quan lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:** Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Kiến Thiết.
- **Nguồn cung cấp cho nhà máy nước:** Nguồn nước mặt sông Thốt Nốt.
- **Quy mô công trình:**
 - + Phần nhà máy nước sẽ đầu tư xây dựng cụm xử lý và các hạng mục công trình đơn vị trong nhà máy nước có quy mô bằng 100% công suất là 5.000 m³/ngày đêm; Thiết bị lắp đặt theo giai đoạn: Năm 2020 là 3.000 m³/ngày đêm và năm 2025 là 5.000 m³/ngày đêm.
 - + Phần mạng lưới cấp nước chuyển tải chưa đầu tư trong giai đoạn dự án này, hiện chỉ đấu nối với mạng lưới đường ống cấp nước hiện hữu của thị trấn Cờ Đỏ.
- **Cấp công trình:** Loại công trình Hạ tầng kỹ thuật, cấp 3.
- **Công suất nhà máy nước:** 5.000 m³/ngày đêm.
- **Tổng mức đầu tư:** 28.534.912.620 đồng.
- **Thời gian thực hiện:** Từ năm 2019 đến năm 2021.

2. Cơ sở pháp lý

2.1. Luật

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2010;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 18/06/2014;
- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 23/06/2014.

2.2. Nghị định

- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một

- số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;
- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP;
 - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về việc quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
 - Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
 - Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
 - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
 - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;
 - Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ về việc quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.

2.3. Thông tư

- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Thông tư số 12/2012/TT-BXD ngày 28/12/2012 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06/05/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp;
- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2016/TT-BXD;

- Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

2.4. Quyết định

- Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 của Bộ xây dựng về việc Công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước;
- Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

2.5. Hồ sơ pháp lý của Dự án đầu tư

Các hồ sơ pháp lý của Dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ:

- Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 của UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt quy hoạch cấp nước thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND thành phố Cần Thơ đã thống nhất chủ trương mở rộng, nâng công suất Nhà máy nước Cờ Đỏ từ 480 m³/ngày đêm lên 3.000 m³/ngày đêm đến năm 2020 và 5.000 m³/ngày đêm đến năm 2025.
- Căn cứ Công văn số 3652/UBND-XDĐT ngày 29/10/2018 về việc điều chỉnh vị trí xây dựng Nhà máy nước Cờ Đỏ, UBND Tp.Cần Thơ đã thống nhất chủ trương xây dựng Nhà máy nước Cờ Đỏ tại vị trí gần cầu Huyện Tiệt trên đường Tỉnh 922 xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ với diện tích khoảng 8.000 m². Ngày 08/08/2019, UBND thành phố Cần Thơ cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 48/GP-UBND cho Công ty với nguồn nước khai thác, sử dụng tại kênh Huyện Tiệt và sông Thốt Nốt và lượng nước khai thác, sử dụng là 5.000 m³/ngày đêm để làm trạm bơm nước cho Nhà máy nước Cờ Đỏ.
- Trên cơ sở các văn bản pháp lý nêu trên. Công ty đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-TNOM ngày 22/08/2019 phê duyệt Thiết kế cơ sở (Lập dự án đầu tư) xây dựng công trình Nhà máy nước Cờ Đỏ công suất 5.000 m³/ngày đêm và Quyết định số 102/QĐ-TNOM ngày 09/09/2019 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nước Cờ Đỏ công suất 5.000 m³/ngày đêm.
- Ngày 10/07/2020, Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành Nghị quyết số 12/NQ-HĐND thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất và các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (dưới 10ha) năm 2020. Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND, Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ đã thống nhất chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để xây dựng Nhà máy nước Cờ Đỏ với diện tích 0,83 ha tại Thửa đất số 597 và 109, Tờ bản đồ số 12, xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ. Đến ngày 27/8/2020, UBND thành phố Cần Thơ ban hành Công văn số 2589/UBND-KT chấp thuận chủ

- trương cho Công ty được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và thuê đất với diện tích 8.267m² thuộc thửa đất số 109 và thửa đất số 597, tờ bản đồ số 12, xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy nước Cờ Đỏ.
- Căn cứ Khoản 30 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định về trường hợp được miễn giấy phép xây dựng như sau: *"Công trình xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đủ điều kiện phê duyệt thiết kế xây dựng và đáp ứng các điều kiện về cấp giấy phép xây dựng theo quy định của Luật này"*. Do đó, Công ty đã thực hiện thủ tục xin thẩm định thiết kế xây dựng với Sở Xây dựng Tp.Cần Thơ. Ngày 18/09/2020, Sở Xây dựng có Công văn số 470/SXD-QLXD ngày 18/09/2020 có ý kiến về bản vẽ thi công xây dựng công trình Nhà máy nước Cờ Đỏ 5.000 m³/ngày đêm. Trên cơ sở Công văn số 470/SXD-QLXD, Công ty đã bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của Sở Xây dựng. Đến ngày 30/10/2020, Sở Xây dựng đã có Công văn số 3439/SXD-QLXD về hồ sơ năng lực, chứng chỉ của người chủ trì thiết kế của các đơn vị tư vấn là phù hợp. Như vậy, dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ của Công ty đủ điều kiện được miễn giấy phép xây dựng.
 - Ngoài ra, Công ty đã thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất thuộc hai thửa đất số 109 và 597 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.Cần Thơ và được Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.Cần Thơ tiếp nhận hồ sơ vào ngày 04/11/2020. Công ty cam kết sẽ thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất thuộc hai thửa đất số 109 và 597 theo quy định pháp luật với cơ quan có thẩm quyền và báo cáo, công bố thông tin ngay sau khi được cấp Giấy CN QSDĐ đất đối với hai thửa đất số 109 và 597.

Thông tin bổ sung về việc thửa đất số 597 được tách một phần từ thửa đất số 98:

- Ngày 10/11/2015, CTCP Cấp nước Ô Môn (trước khi hợp nhất với CTCP Cấp nước Trà Nóc để thành lập CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn) và bà Nguyễn Kim Thuận (chủ sở hữu thửa đất số 98) đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 98 với diện tích chuyển nhượng là 124m². Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01707 ngày 30/06/2014, thửa đất số 98 có diện tích là 471m², trong đó phần diện tích chuyển nhượng là 124m² (theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và phần diện tích còn lại không chuyển nhượng là 347m².
- Căn cứ Mảnh trích đo địa chính số 20-2019 đính kèm Công văn số 2589/UBND-KT ngày 27/08/2020 của UBND Tp.Cần Thơ, thửa đất số 597 được cập nhật từ một phần thửa đất số 98 (thửa đất số 597 có diện tích là 124m² tương ứng với phần diện tích Công ty đã nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Kim Thuận theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất).

3. Kế hoạch triển khai

Thời gian thực hiện	Tên công việc
Quý II năm 2019	Lập thiết kế cơ sở và Báo cáo nghiên cứu khả thi.
Quý III năm 2019	Trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; Lập Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán.
Quý IV năm 2019	Trình phê duyệt tư vấn Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán.
Quý II năm 2020 – Quý I năm 2021	- Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - Xin phép xây dựng. - Triển khai thi công xây dựng công trình.
Quý II năm 2021	Hoàn thành đưa vào sử dụng.

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ.

VIII. MỤC TIÊU DỰ ÁN, PHẠM VI PHỤC VỤ, NHU CẦU DÙNG NƯỚC VÀ SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu dự án

- Sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt đạt tiêu chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT ban hành theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế. Cung cấp nước cho các hộ dân trong khu vực thị trấn và các nhu cầu khác khu vực trung tâm thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ.
- Góp phần thực hiện Chiến lược quốc gia về nước sạch và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đang và sẽ diễn ra ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân.
- Góp phần phát triển hạ tầng đô thị trong đó cung cấp nước sạch giúp tăng trưởng kinh tế và nâng cao đời sống xã hội cho người dân, bảo đảm sức khỏe cộng đồng khu dân cư làm phát triển đô thị bền vững.

2. Phạm vi dự án

- Dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ tại thị xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ nhằm cung cấp nước sạch sinh hoạt cho người dân và kinh doanh sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong vùng, cung cấp nước sạch cho trung tâm hành chính huyện Cờ Đỏ. Đảm bảo cấp nước đạt tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT, an toàn liên tục với các yêu cầu lưu lượng, áp lực nước cho hiện nay và cho tương lai.

- Đối tượng và phạm vi phục vụ: Nước sinh hoạt được cấp cho các hộ dân nằm dọc tuyến lộ giao thông, trung tâm thị trấn và dọc theo kênh rạch mà người dân đang sinh sống. Ngoài ra, còn cấp nước cho các dịch vụ công cộng, khu vực hành chính, dự phòng phát triển của khu vực và một phần liên thông tuyến ống liên quan huyện của thành phố nhằm đảm bảo cấp nước an toàn.

3. Nhu cầu dùng nước

Nhà máy nước cần phải đáp ứng nhu cầu dùng nước của các đối tượng sau:

- Nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt của nhân dân tập trung trong khu trung tâm thị trấn và vùng lân cận;
- Nhu cầu dùng nước cho các công trình công cộng, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ;
- Nhu cầu dùng nước cho bản thân nhà máy nước;
- Ngoài ra, còn tính đến lượng nước rò rỉ, thất thoát trên tuyến ống cấp nước;
- Nước dự phòng cho chữa cháy và diễn tập phòng chống cháy nổ;

Nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt được tính trên cơ sở:

- Theo bảng thống kê của Chi cục thống kê huyện Cờ Đỏ năm 2018 thì dân số của thị trấn Cờ Đỏ năm 2017:
 - + Dân số thị trấn Cờ Đỏ: 13.748 người;
 - + Dân số tạm trú quy đổi: 8.798 người;
 - + Tỷ lệ tăng dân số hàng năm: 1,25%
- Số dân được cấp nước theo quy hoạch đến năm 2020: 23.113 người;
- Tiêu chuẩn dùng nước áp dụng theo quyết định 279/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 của Thành phố Cần Thơ:
 - + Nhu cầu nước sinh hoạt cho 1 người trong giai đoạn 2020 là 120 lít/người/ngày, tỷ lệ dân số được cấp nước là 80%;
 - + Nhu cầu nước sinh hoạt cho 1 người trong giai đoạn 2030 là 150 lít/người/ngày, tỷ lệ dân số được cấp nước là 90%;
 - + Nhu cầu dùng nước cho các công trình công cộng, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ tính bằng 10% nhu cầu nước sinh hoạt;
 - + Nước thất thoát, rò rỉ tính bằng 15% tổng nhu cầu nước sinh hoạt, nước cho các công trình công cộng, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ;

- + Nhu cầu dùng nước cho bản thân nhà máy nước tính bằng 8% tổng các nhu cầu dùng nước trên (căn cứ theo lượng nước thực tế sử dụng).

BẢNG TÍNH CÔNG SUẤT NHÀ MÁY NƯỚC

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2030
1	Dân số khảo sát năm 2017	Người	23.113	26.170
2	Tỷ lệ dân số được cấp nước	%	80	90
3	Số dân được cấp nước	Người	18.490	23.553
4	Tiêu chuẩn cấp nước cho sinh hoạt	l/người.ngày	120	150
5	Nước cấp cho sinh hoạt: (3)*(4)	m ³ /ngày	2.219	3.533
6	Nước cấp phục vụ công cộng: 10%*(5)	m ³ /ngày	222	353
7	Lượng nước thất thoát, rò rỉ: 15%*(5+6)	m ³ /ngày	366	583
8	Tổng lượng nước phát ra mạng: (5)+(6)+(7)	m ³ /ngày	2.807	4.469
9	Lượng nước dùng cho bản thân trạm cấp nước: 10%*(8)	m ³ /ngày	281	447
10	Tổng nhu cầu dùng nước: (9)+(10)	m ³ /ngày	3.088	4.916
	Làm tròn	m³/ngày	3.100	5.000

- Từ bảng tính nêu trên cho thấy Công ty cần thiết phải xây dựng nhà máy cấp nước sạch có công suất 5.000 m³/ngày để tương ứng với 210 m³/giờ (thời gian hoạt động trung bình của nhà máy 24 giờ/ngày) để cung cấp nước phục vụ cho các nhu cầu dùng nước của người dân khu vực dự án đến năm 2030.

4. Sự cần thiết phải đầu tư dự án

Dự án xây dựng Nhà máy nước Cờ Đỏ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu dùng nước sạch cho sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ có tác động mạnh mẽ tới điều kiện kinh tế và sức khỏe của người dân trong khu vực huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ. Theo đó, Dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ sẽ giúp giảm bớt chi phí sinh hoạt cho các hộ gia đình do giá nước mà người dân bỏ tiền ra để mua (sau khi Dự án hoàn thành) sẽ nhỏ hơn so với chi phí mà người dân hiện đang bỏ ra hàng ngày để sử dụng nguồn nước, nhưng chưa đảm bảo chất lượng. Thời gian cung cấp nước của

Dự án sẽ liên tục 24/24 giờ trong ngày, do đó sẽ giảm thời gian, công sức của người dân cho việc lấy nước sạch.

Dự án sẽ góp phần đáp ứng nhu cầu dùng nước ngày càng cao cả về số lượng, chất lượng và áp lực nước do tiến trình đô thị hóa của Thành phố Cần Thơ, đặc biệt là các khu vực thị trấn, thị tứ đang được Thành phố quan tâm nâng cao điều kiện sống cho người dân, tạo tiền đề cho dân trí phát triển, văn minh, hiện đại.

Ngoài ra, việc xây dựng hệ thống cấp nước sạch sẽ có tác động trực tiếp đến tốc độ phát triển đô thị, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, giúp đẩy mạnh điều kiện kinh tế của khu vực, đến sự văn minh đô thị và khu vực hành chính tại địa phương. Việc cung cấp nước đảm bảo số lượng, chất lượng và đủ áp lực là điều kiện cần để cải thiện sinh hoạt hàng ngày cũng như nâng cao sức khỏe cộng đồng. Vì vậy, việc cung cấp nước sạch có tác dụng đặc biệt vào niềm tin và sự đổi mới của đất nước giúp cho người dân thấy được sự quan tâm của Nhà nước đối với đời sống của nhân dân, làm cho người dân càng thêm lạc quan, tin yêu cuộc sống, không ngừng đóng góp công sức của mình để xây dựng xã phường ngày càng văn minh, tốt đẹp hơn; khôi phục và mở mang ngành nghề truyền thống cũng như kêu gọi thu hút đầu tư vào địa bàn, từ đó góp phần rút ngắn khoảng cách giữa thành thị với nông thôn.

Tóm tắt các thông số sử dụng để phân tích khả năng hoàn vốn của Dự án như sau:

Stt	Thông số	Giá trị	Ghi chú
1	Số năm vận hành	40 năm	Từ năm 2021 đến năm 2040
2	Lượng nước sản xuất		
	- Năm 2021	2.000 m ³ /ngày đêm	
	- Năm 2022	3.000 m ³ /ngày đêm	
	- Năm 2023	4.000 m ³ /ngày đêm	
	- Từ năm 2024	5.000 m ³ /ngày đêm	
3	Lượng nước tiêu thụ	85% lượng nước sản xuất	Tỷ lệ thất thoát nước: 15%
4	Giá thành sản xuất nước	2.857 đồng/m ³	Đây là đơn giá tại thời điểm hiện tại, chưa tính đến yếu tố trượt giá hằng năm.
5	Giá thành tiêu thụ nước	3.361 đồng/m ³	

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ.

Dự báo dòng tiền ròng của Dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ trong giai đoạn 2021 - 2040 (Thông tin chi tiết được trình bày tại Phụ lục về tỷ lệ thu hồi nội tại và hiện giá thuần của Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ) như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm	Năm thứ	Dòng tiền vào	Dòng tiền ra				Dòng tiền ròng
			Chi phí đầu tư	Chi phí SX&VH	Thuế GTGT, Thuế TNDN	Cộng	
2021	1	7.446.000	28.044.433	2.206.818	1.263.436	31.514.687	(24.068.687)
2022	2	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.588
2023	3	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2024	4	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2025	5	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2026	6	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2027	7	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2028	8	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2029	9	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2030	10	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2031	11	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2032	12	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2033	13	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2034	14	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2035	15	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2036	16	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2037	17	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2038	18	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2039	19	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
2040	20	9.307.500		2.650.111	1.605.802	4.255.913	5.051.587
Cộng		184.288.500	28.044.433	52.558.927	31.773.667	112.377.027	71.911.473

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ.

Kết quả phân tích Kinh tế - Tài chính như sau:

Kết quả tính toán	
IRR	18,19%
NPV	\$47.378
Thời gian thu hồi vốn	5 năm

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

✦ Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:

Tổng chi phí đầu tư dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ là 28.534.912.620 đồng được Công ty tài trợ từ các nguồn vốn như sau:

- Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu: 26.593.500.000 đồng;
- Vốn tự có từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty: 1.941.412.620 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu sẽ được Công ty sử dụng để bổ sung vốn đầu tư dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ, bao gồm các hạng mục đầu tư như sau:

Stt	Hạng mục	Giá trị (đồng)
I	Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu	26.593.500.000
1	Chi phí xây dựng	17.903.644.252
2	Chi phí thiết bị	4.793.546.070
3	Chi phí quản lý dự án	482.624.801
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.134.269.082
5	Chi phí khác	2.279.415.795
II	Nguồn vốn của Công ty	1.941.412.620
1	Chi phí khác	582.607.256
2	Dự phòng chi phí	1.358.805.364
Tổng cộng		28.534.912.620

✦ Phương án xử lý trong trường hợp kế hoạch phát hành không thành công:

Hiện nay, cổ phiếu TOW của Công ty đang được giao dịch trên sàn UPCoM với giá giao dịch tại ngày 28/10/2020 là 18.100 đồng/cổ phần.

Trên cơ sở đánh giá về mức giá chào bán so với giá thị trường và khả năng góp vốn của các cổ đông lớn, Công ty dự kiến tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu đạt 80%, tương ứng với số tiền thu được tối thiểu là 21.274.800.000 đồng.

Trong trường hợp Công ty không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến, trên cơ sở được ĐHĐCĐ ủy quyền, Hội đồng Quản trị sẽ điều tiết cân đối vốn tự có từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.

ty để bổ sung vốn đầu tư dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ. Hiện nay, Công ty đã được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô đồng ý nguyên tắc tài trợ vốn theo Công văn số 316/CV-CNTĐO-P.KHDN ngày 19/06/2020 với số tiền tối đa là 18.000.000.000 đồng để đầu tư dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ. Theo Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2020, nguồn vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/9/2020 của Công ty là 113.340.409.009 đồng, nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 30/9/2020 là 13.596.797.752 đồng; Quỹ đầu tư phát triển 11.249.009.205 đồng; Khấu hao và phân bổ năm 2020 dự kiến 8.300.000.000 đồng. Do đó, Công ty hoàn toàn có đủ khả năng về vốn để thực hiện đầu tư dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ đúng như kế hoạch.

X. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH

Trên cơ sở các thông tin mà tổ chức tư vấn đã thu thập được về Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn và đợt phát hành cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt có một số nhận định như sau:

Cổ phiếu TOW được nhà đầu tư đánh giá cao về năng lực hoạt động và tiềm năng phát triển. Thực tế trên thị trường chứng khoán, nhu cầu về cổ phiếu TOW của Nhà đầu tư tương đối lớn. Đồng thời, mong muốn sở hữu lâu dài cổ phiếu TOW khiến cho nguồn cung cổ phiếu TOW bị hạn chế. Dẫn đến tính thanh khoản của cổ phiếu TOW ở mức thấp. Việc phát hành thêm cổ phiếu TOW sẽ giải quyết được nhu cầu nắm giữ trên của Nhà đầu tư. Với việc sử dụng tiền thu được để mở rộng năng lực sản xuất trong ngành nghề kinh doanh thiết yếu là ngành nước sẽ thu hút Nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu.

Với những nhận định trên, tổ chức tư vấn tin tưởng đợt phát hành sẽ thành công theo đúng kế hoạch của tổ chức phát hành.

XI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Địa chỉ: Tầng 1-2-3-4, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, P.Bến Thành, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 6299 2006

- Fax: (028) 6291 7986

Website: www.vdsc.com.vn

- Email: info@vdsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán năm 2018, năm 2019 và năm 2020

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Địa chỉ: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại : (028) 3832 9129 - Fax : (028) 3834 2957

Website : www.aisc.com.vn - Email: info@aisc.com.vn

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. **Phụ lục II:** Điều lệ Công ty;
3. **Phụ lục III:** Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua phương án chào bán cổ phần ra công chúng năm 2020;
4. **Phụ lục IV:** Nghị quyết HĐQT thông qua triển khai phương án chào bán cổ phiếu, phương thức xử lý cổ phiếu lẻ, phương án sử dụng vốn, tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu năm 2020;
5. **Phụ lục V:** Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 và Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2020;
6. **Phụ lục VII:** Các văn bản pháp lý của Dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ.

TP. Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2020

CHỮ KÝ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

GIÁM ĐỐC



HUỶNH MINH TRUNG

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN HỮU LỘC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGÔ HỒNG HẠNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ THANH PHƯƠNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HIẾU